UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  **UBMTTQ VIỆT NAM**

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁM SÁT**

**CỦA HỆ THỐNG MẶT TRÂN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CẨM NANG GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN VIỆT NAM**

**CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI NGƯỜI (NHÓM) THỰC HIỆN

(Ký tên và đóng dấu) (Ký tên)

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký tên)

*Bình Phước, Tháng 01 năm 2024*

.

*Bình Phước, Tháng …. năm 20…*

**MỤC LỤC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Trang** |
| **1** | Lời nói đầu | **4** |
| **2** | Những nội dung cơ bản về hoạt động giám sát của MTTQVN các cấp hiện nay | **5** |
| **3** | Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị Khóa XI ban hành *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội .* | **22** |
| **4** | Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ”* | **30** |
| **5** | Quy định 124- QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”. | **37** |
| **6** | Chỉ thị số 18-CT/TW về “*phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội”*. | **41** |
| **7** | Trích Điều 14, Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm | **45** |
| **8** | Trích Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (một số điều và Chương V. Hoạt Động giám sát) | **46** |
| **9** | Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (Trích phần liên quan đến Ban Thanh tra Nhân dân và Giám sát đầu tư của cộng đồng) | **47** |
| **10** | Trích Nghị định 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ “*quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở”*. (Trích phần liên quan đến Ban Thanh tra Nhân dân và Giám sát đầu tư của cộng đồng). | **70** |
| **11** | Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Trích nội dung liên quan đến hoạt động giám sát) | **88** |
| **12** | Thông tri số 10/TT-MTTW-BTT ngày 22/9/2020 của Ban Thường trực UBMTTQVN, “*hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ”*. | **95** |
| **13** | Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; | **103** |
| **14** | Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19/6/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; | **107** |
| **15** | Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND, ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh *quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước.* | **111** |
| **16** | - Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND, ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh *quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn* (với Mức hỗ trợ hoạt động tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm.) | **114** |
| **17** | Các văn bản mẫu liên quan đến đến hoạt động giám sát của MTTQVN các cấp | **115** |

**LỜI NÓI ĐẦU**

Giám sát là nhiệm vụ chính trị quan trọng, trọng tâm trong công tác Mặt trận hiện nay. Trong những năm qua, cấp ủy các cấp đều quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; chính quyền các cấp quan tâm tạo điều kiện; các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đã quan tâm phối hợp. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận; góp phần quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Tuy nhiên, hoạt động giám sát của MTTQVN các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như: chất lượng, hiệu quả giám sát nhiều nơi, nhiều cuộc còn hạn chế. Nhiều nơi nhất là cơ sở còn lúng túng trong việc xác định đối tượng, nội dung, phương thức triển khai thực hiện giám sát; tính chủ động, sáng tạo Của Mặt trận ở một số nơi chưa cao. Nhiều nội dung, vấn đề bức xúc của cử tri và Nhân dân cũng như dư luận xã hội quan tâm chưa được giám sát hoặc giám sát chưa kịp thời. Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nhiều nơi hoạt động còn mang tính hình thức, chưa đảm bảo quy trình quy định. MTTQVN chưa xây dựng được các căn cứ, tiêu chí cơ bản, thống nhất để đánh giá chất lượng giám sát của hệ thốngMặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh…

Xuất phát từ vai trò, vị trí, tầm quan trọng và thực trạng hiện nay. Nhóm tác giả Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh “*Giải pháp nâng cao chất lượng giám sát của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bình Phước”*tổ chức xây dựng, biên soạn phát hành ***Cẩm nang giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt nam các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước*** nhằm hệ thống hóa các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; Quy định của địa phương; hướng dẫn của MTTW và đặc biệt là mẫu hóa hồ sơ, quy trình giám sát, các bước thực hiện; các căn cứ, tiêu chí cơ bản, thống nhất để đánh giá chất lượng giám sát của hệ thốngMặt trận; giúp cho chủ thể giám sát nghien cứu, ứng dụng thực hiện thuận tiện, hiệu quả, dúng quy trình, quy định; góp phần thực hiện đồng bộ, hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động giám sát của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thời gian tới.

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ GIÁM SÁT**

**CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CÁC CẤP HIỆN NAY**

**I . MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG**

**1. Khái niệm, mục đích, tính chất**

**- *Khái niệm:*** Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ Việt Nam) là việc Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trực tiếp thực hiện hoặc do các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc ***theo dõi, xem xét, đánh giá và kiến nghị*** đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam.

***- Mục đích****:* Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

**- *Tính chất***: Giám sát của MTTQ Việt Nam mang tính nhân dân, tính xã hội, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa.

**2. Đối tượng, nội dung và phạm vi giám sát** (Điều 26 Luật MTTQ VN)

- ***Đối tượng***: Cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức.

***- Nội dung*:** việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam.

**3. Chủ thể và phạm vi giám sát** (Điều 26 Luật MTTQ VN)

- *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp*: Chủ trì giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Luật MTTQ Việt Nam.

- *Các tổ chức chính trị - xã hội*: Chủ trì giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Luật MTTQ Việt Nam theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc quy định của pháp luật.

- *Các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: Tham gia phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với các đối tượng và nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Luật MTTQViệt Nam có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

**4. Hình thức giám sát của MTTQ Việt Nam** (Điều 27 Luật MTTQ Việt Nam)

1- Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2*-* Tổ chức đoàn giám sát.

3*-* Thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4*-* Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

**5. Quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam trong hoạt động giám sát** (Điều 28 Luật MTTQ Việt Nam)

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết.

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

- Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

- Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát.

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

- Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.

**6. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát**

- Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát.

- Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan.

- Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.

- Tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát.

- Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam.

- Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của MTTQ Việt Nam.

**7. Trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 30 Luật MTTQ Việt Nam)**

- Định kỳ 6 tháng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nghe Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp thông báo kết quả giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét kiến nghị và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động giám sát theo yêu cầu; cử người tham gia giám sát về những nội dung có liên quan; tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam thực hiện giám sát; xem xét, giải quyết kiến nghị sau giám sát của MTTQ Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**8. Việc xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm (***theo mẫu số 01***)**

*- Căn cứ xây dựng:*

+ Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hàng năm của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp;

+ Chương trình phối hợp giám sát giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam với các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam và cơ quan nhà nước cùng cấp;

+ Kiến nghị của tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam;

+ Đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức do Ủy ban MTTQ Việt Nam tiếp nhận;

+ Thông tin phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- *Nội dung:* Xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành và đối tượng được giám sát trong năm.

Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội nêu rõ nội dung giám sát do Ủy ban MTTQ chủ trì, nội dung do từng tổ chức chính trị - xã hội chủ trì.

Khi cần thiết, kế hoạch giám sát có thể điều chỉnh hoặc bổ sung theo sự thống nhất của các bên tùy theo điều kiện thực tế và thời gian tổ chức thực hiện.

- *Quy trình xây dựng kế hoạch:*

+ Quý IV hàng năm, Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì hiệp thương thống nhất với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp lựa chọn những vấn đề mà Nhân dân quan tâm, bức xúc và xác định các hình thức giám sát phù hợp với từng nội dung giám sát để xây dựng Dự thảo kế hoạch giám sát của năm sau.

+ Trên cơ sở Dự thảo kế hoạch giám sát hàng năm đã được hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban MTTQ Việt Nam trao đổi, thống nhất với các cơ quan hữu quan cùng cấp về dự thảo kế hoạch giám sát.

*Ở cấp tỉnh*, dự thảo kế hoạch giám sát có sự trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp.

*Ở cấp huyện, cấp xã,* dự thảo kế hoạch giám sát có sự trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân (Thường trực Hội đồng nhân dân) và Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Việc trao đổi, thống nhất với các cơ quan có thể bằng hình thức tổ chức hội nghị hoặc gửi dự thảo kế hoạch xin ý kiến.

+ Sau khi đã trao đổi, thống nhất với các cơ quan nhà nước cùng cấp, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam ban hành kế hoạch giám sát và báo cáo xin ý kiến cấp ủy cùng cấp trước khi triển khai, thực hiện.

**II. QUY TRÌNH CÁC HÌNH THỨC GIÁM SÁT CỤ THỂ**

**1. Giám sát theo hình thức nghiên cứu, xem xét văn bản**

1.1. *Các loại văn bản được giám sát gồm*: Văn bản quy phạm pháp luật; Quyết định hành chính; Bản án, quyết định, kết luận, cáo trạng trong hoạt động tố tụng; Các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế- xã hội, dự án, đề án của cơ quan nhà nước… liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

- Tùy quy mô, tính chất của hoạt động giám sát, xây dựng kế hoạch thực hiện. *(mẫu số 02)*

***-*** Để bảo đảm hiệu quả giám sát văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phân công các ban, đơn vị và cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức mình thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, xem xét các văn bảndo các cơ quan có thẩm quyền cùng cấp ban hành có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thì ban, đơn vị, cá nhân được phân công có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hoặc lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội quyết định việc giám sát văn bản đó.

*1.2. Quy trình giám sát:*

***\*Bước 1: Nghiên cứu, xem xét văn bản được giám sát***

- Phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp chỉ đạo việc nghiên cứu, xem xét văn bản và giao các ban, đơn vị chuyên môn, cá nhân tham mưu thực hiện. Trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị hoặc gửi lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học hoặc tổ chức hoạt động khảo sát để thu thập thông tin, xem xét, nghiên cứu tác động của văn bản đối với xã hội.

- Trình tự nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết liên tịch số 403.

Trong quá trình nghiên cứu, xem xét văn bản, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ các cấp có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản có báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát.

***\* Bước 2: Xây dựng và gửi văn bản kiến nghị***

- Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với Hiến pháp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp chủ trì giám sát có văn bản kiến nghị gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết, sửa đổi, bổ sung hoặc đình chỉ thi hành.

- Gửi văn bản kiến nghị sau giám sát đến cơ quan có thẩm quyền. Tại văn bản gửi cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát cần xác định thời hạn yêu cầu trả lời (*15 ngày kể từ ngày cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát nhận được văn bản*).

***\* Bước 3: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát***

- Cơ quan ban hành văn bản được giám sát xem xét, nghiên cứu, tiếp thu và phản hồi các kiến nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp chủ trì giám sát.

Hết thời hạn mà cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát chưa trả lời, Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN cấp chủ trì giám sát có văn bản đôn đốc cơ quan ban hành văn bản được giám sát trả lời.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức ban hành văn bản được giám sát không trả lời hoặc không đồng ý với nội dung văn bản kiến nghị, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát gửi văn bản kiến nghị lên cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành văn bản được giám sát đề nghị chỉ đạo việc xem xét, giải quyết.

Trường hợp ý kiến giữa cơ quan, tổ chức ban hành văn bản được giám sát và cơ quan chủ trì giám sát không thống nhất, thì hai bên có thể tổ chức đối thoại để làm rõ.

**2. Tổ chức đoàn giám sát**

***\* Bước 1: Thu thập thông tin, tài liệu vàxây dựng kế hoạch giám sát***

***-*** *Thu thập thông tin, tài liệu:*

Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát tiến hành thu thập, tổng hợp và nghiên cứu các thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát;ý kiến, kiến nghị của nhân dân về nội dung giám sát;thông tin về nội dung giám sát trên các phương tiện truyền thông; báo cáo của các cơ quan chức năng.

*- Xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát theo đoàn:* Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn giám sát. Nội dung kế hoạch tổ chức đoàn giám sát thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết liên tịch số 403*.* Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát được gửi đến thành viên của đoàn giám sát.

Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát, Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát.

***\* Bước 2: Ban hành và thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát***

- Căn cứ kế hoạch tổ chức đoàn giám sát, văn bản cử người tham gia đoàn giám sát của các cơ quan, tổ chức, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì giám sát ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát.

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức việc thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và các tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát để nghiên cứu và tổ chức việc nghiên cứu (nếu cần thiết) .

Kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát chậm nhất là 15 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Chậm nhất là 07 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải gửi báo cáo, thông tin, tài liệu có liên quan đến đoàn giám sát.

***\* Bước 3: Đoàn giám sát làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát***

***-*** Trình tự, thủ tục đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết liên tịch số 403.

- Trong quá trình giám sát, nếu cần thiết, đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đoàn giám sát có văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng các biện pháp cần thiết, kịp thời để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**\* *Bước 4: Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát***

Việc báo cáo kết quả giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị quyết liên tịch số 403. Báo cáo kết quả giám sát xây dựng theo biểu mẫu số 04/BC-MT và kiến nghị sau giám sát được thực hiện theo biểu mẫu số 02-MT (tại Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21/7/2017).

**\* *Bước 5: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát***

Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát cần theo dõi việc giải quyết văn bản kiến nghị sau giám sát. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, cá nhânkhông thực hiện, có thể lựa chọn các hình thức sau:

- Gửi văn bản đến cơ quan, tổ chức là cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải xem xét, giải quyết và trả lời; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

- Phản ánh tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kỳ họp của Quốc hội, phiên họp của Chính phủ; trong các báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý gửi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Cấp ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dâncùng cấp); tại các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân và trong Báo cáo công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền tại các phiên họp Hội đồng nhân dân cùng cấp.

- Trao đổi, cung cấp thông tin và đề nghị các cơ quan báo chí, truyền thông phản ánh, đưa tin.

- Thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quy định tại Điều 31 của Luật MTTQ Việt Nam (nếu người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giám sát là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng Nhân dân hoặc là người giữ các chức vụ do Quốc hội, Hội đồng Nhân dân bầu, phê chuẩn).

**3. Giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng**

***3.1. Giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân***

*\* Bước 1: Xây dựng kế hoạch giám sát hàng năm và kế hoạch giám sát từng vụ việc*

- Hàng năm, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn Ban thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hàng năm.

Đối với kế hoạch giám sát từng vụ việc, chậm nhất là 5 ngày trước khi tiến hành cuộc giám sát, Ban thanh tra nhân dân phải có kế hoạch gửi Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Kế hoạch phải nêu rõ nội dung, thời gian, địa điểm giám sát; thành viên tham gia cuộc giám sát; kinh phí và điều kiện bảo đảm cho việc giám sát.

Kế hoạch giám sát năm và kế hoạch giám sát từng vụ việc có thể được điều chỉnh, bổ sung về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

*\* Bước 2: Tiến hành giám sát*

-Thu thập thông tin:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; các thông tin; tài liệu đã được công khai;

+ Thông tin, tài liệu, ý kiến trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; ý kiến phản ánh, kiến nghị của nhân dân;

+ Đề nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý:

+ Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, tài liệu đã thu thập được, Ban Thanh tra nhân dân so sánh, đối chiếu tình hình thực tế với quy định của pháp luật hiện hành để phát hiện những mâu thuẫn, bất hợp lý, những hành vi vi phạm; tổng hợp, báo cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước, ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp của nhân dân; thực hiện chương trình, dự án, quản lý và sử dụng đất đai trái với các quy định của pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác thuộc phạm vi giám sát, thì Ban thanh tra nhân dân kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết; đồng thời, báo cáo với Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

*\* Bước 3: Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát*

- Ban thanh tra nhân dân theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền. Sau khi có kết quả xử lý kiến nghị, Ban thanh tra nhân dân sẽ thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân; đồng thời, theo dõi việc chấp hành các biện pháp xử lý của các đối tượng có liên quan.

- Kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền xã, phường, thị trấn có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết cho Ban thanh tra nhân dân.

Trường hợp kiến nghị không được xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác xem xét, giải quyết, xử lý trách nhiệm.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; xác nhận văn bản phản ánh, biên bản, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền; xem xét, giải quyết và đôn đốc việc giải quyết kịp thời kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân; động viên nhân dânủng hộ,tham gia các hoạt động của Ban thanh tra nhân dân.

***3.2. Giám sát thông qua hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng***

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án hàng năm trên địa bàn; đồng thời, thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư và Ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến chương trình, dự án; tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện đầu tư, vận hành các dự án đầu tư ở cộng đồng dân cư.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án..

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng và kiến nghị biện pháp xử lý.

**4. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

- Khi được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia giám sát, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cử đại diện tham gia đoàn giám sát.

- Đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được cử tham gia giám sát có quyền và trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung giám sát.

***-*** Trong quá trình tham gia giám sát, đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm nghiên cứu báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, nêu ý kiến về nội dung giám sát và tham gia xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

Trong quá trình tham gia giám sát, nếu phát hiện vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thì đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm đề nghị Trưởng đoàn giám sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc chưa phù hợp với chính sách, pháp luật mà cơ quan chủ trì giám sát không kiến nghị thì người được cử tham gia đoàn giám sát có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình để xem xét, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

**III. CHUYÊN ĐỀ: GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN, CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**A. MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ GIÁM SÁT**

**1. Mục đích giám sát**

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát công tác cán bộ, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, góp Phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

**2. Nguyên tắc giám sát**

-Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

-Phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm cản trở hoặc ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, gia đình người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng.

**3. Căn cứ giám sát**

Các quy định của Đảng và Nhà nước về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Tổ chức chính trị xã hội và Nhân dân (các Nghị quyết của Trung ương Đảng liên quan đến công tác giám sát của MTTQ VN: Quy định 217, Luật MTTQ VN, Nghị quyết Liên tịch 403... );

**B. GIÁM SÁT CÁN BỘ**

**1. Giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú**

***1.1. Chủ thể giám sát***

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thanh tra nhân dân ở cấp xã; Ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với các đoàn thể nhân dân ở địa bàn khu dân cư;

- Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phản ảnh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan có thẩm quyền về những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

***1.2. Đối tượng, phạm vi giám sát***

- Giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt, cư trú ở địa bàn khu dân cư.

- Trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống thì chủ thể giám sát báo cáo, phản ảnh với cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên.

***1.3. Hình thức giám sát***

-Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú;

- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ảnh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và nhân dân; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng;

-Thông qua hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản;

- Thông qua các hình thức công khai của cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú;

-Thông qua nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với cán bộ, đảng viên;

- Thành lập đoàn giám sát và phối hợp với các cơ quan quản lý cán bộ giám sát khi cần thiết.

***1.4. Nội dung giám sát***

-Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 101 - QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp;

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 55 - QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên;

- Giám sát theo nội dung quy định tại Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, " tự diễn biến", " tự chuyển hóa" trong nội bộ (Ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng).

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định 124- QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 213 - QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khoá XII về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú ( thay thế Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị khoá VIII về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú).(Điều 2)

***1.5. Tổ chức triển khai giám sát***

-Xây dựng kế hoạch Ban Thường trực ủy ban MTTQ các cấp xây dựng kế hoạch hướng dẫn, Ban Thường trực ủy ban MTTQ cấp xã xây dựng kế hoạch trực tiếp giám sát*(Mục đích yêu cầu; Đối tượng; phạm vi; nội dung; thời gian; tổ chức thực hiện...);*

- Lập danh sách cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú theo từng địa bàn dân cư (Thôn, Tổ dân phố), *(Danh sách ghi rõ người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ đảng viên);*

-Phân công Ban công tác Mặt trận các khu dân cư thường xuyên giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú;

-Ban công tác Mặt trận khu dân cư căn cứ số lượng, danh sách cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú đẻ phối hợp với các đoàn thể nhân dân phân công các thành viên giám sát đối với từng cán bộ, dảng viên sinh hoạt nơi cư trú;

- Ban công tác Mặt trận khu dân cư tổng hợp kết quả giám sát báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu với chi bộ khu dân cư và Ban Thường trực ủy ban MTTQ cấp xã;

- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện tại các khu dân cư;

- Ban Thường trực ủy ban MTTQ cấp xã ban hành văn bản kiến nghị, phản ánh khi nhận đựơc thông tin phản ánh hoặc phát hiện cán bộ, đảng viên sinh hoạt ở nơi cư trú có dấu hiệu, hành vi vi phạm.

***1.6. Kiến nghị sau giám sát, Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát***

-Báo cáo định kỳ với cấp ủy cùng cấp và Ban Thường trực MTTQ cấp trên trực tiếp;

-Báo cáo với cấp ủy cùng cấp và Ban Thường trực MTTQ cấp trên trực tiếp khi tiếp nhận thông tin phản ánh hoặc phát hiện cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú có dấu hiệu, hành vi vi phạm;

- Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc cấp xã báo cáo phản ánh dấu hiệu vi phạm của cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú cho cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ có dấu hiệu, hành vi vi phạm;

- Phản ánh khi người đứng đầu, cán bộ chủ chốt tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, tại hội nghị nhân dân, sinh hoạt, đại hội Đảng các cấp...

- Phản ánh vào nhận xét cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú theo định kỳ và khi làm hồ sơ về công tác cán bộ;

***1.7. Thành lập đoàn giám sát (trong trường hợp cần thiết)***

*(Quy trình giám sát thực hiện theo Nghị quyết liên tịch 403)*

- Giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định liên quan của Đảng đối với các tổ chức cơ sở đảng, nhất là những quy định về nội dung, hình thức công khai, tạo điều kiện cho MTTQ, các Tổ chức CTXH và Nhân dân giám sát;

- Giám sát việc tiếp thu, xử lý những thông tin phản ánh, kết quả giám sát của MTTQ, các Tổ chức CTXH và nhân dân đối với các tổ chức cơ sở đảng;

-Giám sát công tác phối hợp giữa Ban chi ủy và Ban công tác Mặt trận ở các khu dân cư trong việc triển khai giám sát cán bộ, đảng viên nơi cư trú, nhất là việc thống nhất đánh giá nhận xét đối với cán bộ, đảng viên đang công tác sinh hoạt nơi cư trú.

***1.8. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát***

**2. Giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc**

***2.1. Chủ thể giám sát***

-Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hoặc cấp trên của đối tượng giám sát;

- Tổ chức công đoàn, các tổ chức đoàn thể, thanh tra nhân dân và công đoàn viên tại cơ quan, đơn vị đối tượng giám sát làm việc.

***2.2. Đối tượng, phạm vi giám sát***

- Người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp;

- Phạm vi giám sát ở nơi làm việc của đối tượng giám sát.

***2.3. Hình thức giám sát***

- Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

- Thông qua kiểm điểm, đánh giá, góp ý, nhận xét định kỳ, nhiệm kỳ, khi quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên tại nơi làm việc;

- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ảnh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và nhân dân; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng;

- Thông qua phản ánh của MTTQ, các Tổ chức CTXH các cấp và của chi bộ, Ban công tác Mặt trận nơi cư trú củangười đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên gửi đến;

- Thành lập đoàn giám sát và phối hợp với các cơ quan quản lý cán bộ giám sát khi cần thiết.

***2.4. Nội dung giám sát***

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 101 - QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp;

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 55 - QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên;

-Giám sát theo nội dung quy định tại Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, " tự diễn biến", " tự chuyển hóa" trong nội bộ (Ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

- Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định 124- QĐ/TW, ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

-Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định 205- QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền

-Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định số 213 - QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khoá XII về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú ( thay thế Quy định số 76-QĐ/TW, ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị khoá VIII về việc đảng viên đang công tác ở các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thường xuyên giữ mối liên hệ với chi ủy, đảng ủy cơ sở và gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú).

***2.5. Tổ chức triển khai giám sát***

- Ban Thường trực MTTQ phân công Liên đoàn lao động cùng cấp xây dựng kế hoạch phân công cho tổ chức công đoàn từng cơ quan đơn vị triển khai giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên tại nơi làm việc;

-Ban Thường trực MTTQ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn lao động cùng cấp tổ chức đoàn giám sát khi có yêu cầu

***2.6.Kiến nghị sau giám sát***

- Tham gia góp ý tại các hội nghị đối thoại;

-Tham gia góp ý khi tổ chức kiểm điểm định kỳ hàng năm, nhiệm kỳ bổ nhiệm, nhiệm kỳ bầu cử;

- Nhận xét khi thực hiện quy trình cán bộ;

- Báo cáo kết quả giám sát định kỳ, đột xuất với cấp ủy quản lý cán bộ;

- Kiến nghị của đoàn giám sát;

-Giám sát việc tiếp thu, sửa chữa khuyết điểm của đối tượng giám sát

***2.7. Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát***

**C. GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**1. Chủ thể giám sát**

-Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hoặc cấp trên của đối tượng giám sát;

- Tổ chức công đoàn, các tổ chức đoàn thể, thanh tra nhân dân và công đoàn viên tại cơ quan, đơn vị đối tượng giám sát;

-Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể nhân dân và Nhân dân nơi đối tượng giám sát cư trú.

**2. Đối tượng, phạm vi giám sát**

- Các tập thể, tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ làm công tác cán bộ thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý;

- Các cá nhân liên quan đến công tác cán bộ

-Phạm vi giám sát ở nơi làm việc và nơi cư trú của đối tượng giám sát.

**3. Hình thức giám sát**

- Thành lập đoàn giám sát và phối hợp với các cơ quan quản lý cán bộ giám sát khi cần thiết.

- Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên;

- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ảnh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và nhân dân; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng;

- Thông qua phản ánh của MTTQ, các Tổ chức CTXH các cấp và của chi bộ, Ban công tác Mặt trận nơi cư trú của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên gửi đến;

- Thông qua kiểm điểm, đánh giá, góp ý, nhận xét định kỳ, nhiệm kỳ, khi quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với những cá nhân liên quan đến công tác cán bộ.

**4. Nội dung giám sát**

- Đối với các tập thể, tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ làm công tác cán bộ thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý;

- Đối với các cá nhân liên quan đến công tác cán bộ(Giám sát theo nội dung quy định tại Quy định 205- QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền).

**5. Tổ chức triển khai giám sát**

-Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam hiệp thương phân công Liên đoàn lao động cùng cấp xây dựng kế hoạch phân công cho tổ chức công đoàn từng cơ quan đơn vị triển khai giám sát thường xuyên đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến công tác tổ chức tại nơi làm việc;

-Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch giao cho Ban công tác Mặt trận ở các khu dân cư chủ trì phối hợp các đoàn thể nhân dân giám sát những cá nhân cán bộ, đảng viên liên quan đến công tác tổ chứcsinh hoạt nơi cư trú;

-Ban Thường trực MTTQ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn lao động cùng cấp tổ chức đoàn giám sát khi có yêu cầu

**6. Kiến nghị sau giám sát**

-Tham gia góp ý tại các hội nghị đối thoại;

- Tham gia góp ý khi tổ chức kiểm điểm định kỳ hàng năm, nhiệm kỳ bổ nhiệm, nhiệm kỳ bầu cử;

-Nhận xét khi thực hiện quy trình cán bộ;

- Báo cáo kết quả giám sát định kỳ, đột xuất với cấp ủy quản lý cán bộ;

-Kiến nghị của đoàn giám sát;

-Giám sát việc tiếp thu, sửa chữa khuyết điểm của đối tượng giám sát.

**-**Giám sát việc thực hiện kiến nghị sau giám sát

|  |  |
| --- | --- |
| **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG** \* Số 217-QĐ/TW | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  *Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2013* |

**QUYẾT ĐỊNH  
về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội   
của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội**

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề  cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”;

- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

**BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1**. Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”.

**Điều 2**. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***                                                                       - Các tỉnh ủy, thành ủy, - Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, - Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,  - Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, - Lưu Văn phòng Trung ương Đảng. | **T/M BỘ CHÍNH TRỊ**  **(Đã ký)**  **Lê Hồng Anh** |

**QUY CHẾ  
giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam  
và các đoàn thể chính trị - xã hội  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12-12-2013  
của Bộ Chính trị)**

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Giải thích từ ngữ** Trong Quy chế này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1- “Giám sát” là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2- “Phản biện xã hội” là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

3- “Giám sát và phản biện xã hội” là giám sát và phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

4- “Cơ quan, tổ chức” là cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.

**Điều 2. Mục đích, tính chất của giám sát và phản biện xã hội**

1- Giám sát nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2- Phản biện xã hội nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

3- Giám sát và phản biện xã hội mang tính nhân dân, tính dân chủ xã hội chủ nghĩa, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn.

**Điều 3. Nguyên tắc giám sát và phản biện xã hội**

1- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

2- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm trở ngại các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và phản biện xã hội.

3- Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng.

4- Tôn trọng các ý kiến khác nhau, nhưng không trái với quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, đoàn viên, hội viên, lợi ích quốc gia, dân tộc.

**Điều 4. Chủ thể giám sát và phản biện xã hội**Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

**Chương II  
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

**Điều 5. Đối tượng và nội dung giám sát**

1- Đối tượng giám sát

a) Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở.

b) Cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức,viên chức nhà nước (sau đây gọi chung là cá nhân).

2- Nội dung giám sát

Việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

**Điều 6. Phạm vi giám sát**

1- Đối với cơ quan, tổ chức

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

b) Các đoàn thể chính trị - xã hội: Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mất quốc gia) có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với những nội dung có liên quan.

2- Đối với cá nhân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội giám sát theo các nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quy chế này ở nơi công tác và nơi cư trú.

**Điều 7. Phương pháp giám sát**

1- Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát báo cáo cấp ủy và chính quyền cùng cấp trước khi triển khai. Khi cần thiết có thể tổ chức giám sát ngoài kế hoạch.

Chương trình, kế hoạch giám sát được thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước liên quan để hỗ trợ triển khai, bảo đảm giám sát thiết thực, đúng thực tế, có tác động tốt với đời sống chính trị, xã hội và nhân dân.

2- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp thu ý kiến phản ảnh của các thành viên, đoàn viên, hội viên, ý kiến của nhân dân, ý kiến của các chuyên gia và tổ chức khảo sát thực tế để có cơ sở kiến nghị với cơ quan Đảng, Nhà nước, cấp ủy và chính quyền cùng cấp.

3- Giám sát thông qua việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dân chủ ở cơ sở, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4- Giám sát thông qua nghiên cứu văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức; đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân gửi Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

5- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan dân cử đề nghị.

**Điều 8. Quyền và trách nhiệm trong giám sát**

1- Đối với chủ thể giám sát

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức được giám sát cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.

b) Tổ chức đối thoại giữa chủ thể giám sát và đối tượng giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị khi một trong hai bên có yêu cầu.

c) Gửi báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thẩm quyền) đến các cơ quan được quy định ở điều này; kiến nghị và theo dõi việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

d) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương báo cáo kết quả giám sát với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương báo cáo kết quả giám sát với cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cùng cấp để các cơ quan, tổ chức được báo cáo cho ý kiến về việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

đ) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan và cơ quan thông tin đại chúng phổ biến các điển hình tiên tiến, góp phần tạo phong trào thi đua học tập các điển hình tiên tiến.

e) Chịu trách nhiệm về những nội dung kết quả giám sát của tổ chức, đoàn thể mình.

2- Đối với đối tượng được giám sát

a) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của chủ thể giám sát; góp ý vào dự thảo báo cáo giám sát khi được chủ thể giám sát đề nghị.

b) Yêu cầu đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết.

c) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp hoặc các cơ quan, ban, ngành chức năng liên quan, nếu chủ thể giám sát vi phạm Quy chế này.

d) Tổ chức thực hiện và trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát theo quy định.

đ) Quốc hội, Hội đồng nhân dân và cấp ủy đảng các cấp có trách nhiệm bố trí thời gian trong phiên họp định kỳ 6 tháng và cuối hằng năm để nghe Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo kết quả giám sát đối với cơ quan, đơn vị; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện trách nhiệm giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

**CHƯƠNG III**

**HOẠT ĐỘNG VỀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

**Điều 9. Đối tượng và nội dung phản biện xã hội**

1- Đối tượng phản biện xã hội

Các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Nội dung phản biện xã hội

- Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo.

- Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

- Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.

**Điều 10. Phạm vi phản biện xã hội**

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2- Các đoàn thể chính trị - xã hội

Chủ trì phản biện xã hội đối với các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội.

**Điều 11. Phương pháp phản biện xã hội**

1- Tổ chức hội nghị các cơ quan lãnh đạo trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ban Chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội từng cấp.

2- Tổ chức lấy ý kiến phản biện (thông qua tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên) trong hệ thống của tổ chức, đoàn thể mình hoặc gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện.

3- Khi cần thiết, tổ chức đối thoại trực tiếp giữa chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo được phản biện.

**Điều 12. Quyền và trách nhiệm trong phản biện xã hội**

1- Chủ thể phản biện xã hội

a) Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

b) Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức có yêu cầu phản biện khi cần thiết.

c) Gửi kết quả phản biện bằng văn bản (văn bản phải được đóng dấu và có chữ ký của người có thầm quyền) đến cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện.

d) Chịu trách nhiệm về những nội dung phản biện của mình.

đ) Bảo đảm bí mật nội dung thông tin phản biện theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo (nếu có).

2- Cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội

a) Gửi văn bản dự thảo và cung cấp đầy đủ những thông tin, tài liệu cần thiết đến chủ thể phản biện.

b) Cử người có trách nhiệm thay mặt tổ chức của mình tham dự hội nghị phản biện do chủ thể phản biện tổ chức hoặc tham gia đối thoại theo yêu cầu của chủ thể phản biện.

c) Trả lời bằng văn bản với chủ thể phản biện về việc tiếp thu ý kiến phản biện. Báo cáo đầy đủ (bằng văn bản) các ý kiến phản biện của chủ thể phản biện với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

**CHƯƠNG IV**

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 13. Điều kiện bảo đảm**

1- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức, bộ máy, cán bộ; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng về giám sát và phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ.

2- Kinh phí giám sát và phản biện xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm theo kế hoạch hằng năm do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp lập kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 14. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội thì được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

**Điều 15. Xử lý vi phạm**

1- Tổ chức, cá nhân có hành vi trả thù, trù dập, cản trở tổ chức, cá nhân giám sát, phản biện xã hội hoặc bao che cho người có hành vi trả thù, trù dập, cản trở hoặc can thiệp trái quy định của Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm thì bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2- Những hành vi lợi dụng quyền giám sát và phản biện xã hội làm cản trở hoạt động, gây tổn hại đến uy tín hoặc danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân đều bị xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và điều lệ các đoàn thể chính trị - xã hội.

**CHƯƠNG V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm:**

1- Hằng năm, lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và phản biện xã hội, báo cáo với cấp ủy và thống nhất với cơ quan nhà nước liên quan cùng cấp; kịp thời bổ sung nội dung giám sát và phản biện xã hội (khi có yêu cầu) theo quy định tại Quy chế này.

2- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Trung ương ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quy chế tới các cấp thuộc tổ chức, đoàn thể mình.

**Điều 17. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm:**

1- Lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện những nội dung có liên quan trong Quy chế.

2- Phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thống nhất thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức mình.

**Điều 18. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:**

1- Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp và cấp dưới tổ chức thực hiện Quy chế.

2- Định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư tình hình, kết quả thực hiện Quy chế (qua Ban Dân vận Trung ương).

**Điều 19. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:**

1- Lãnh đạo triển khai thực hiện Quy chế ở tổ chức, đơn vị mình.

2- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan của Trung ương Đảng có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Quy chế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Quy chế khi thấy cần thiết. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Chỉ đạo xây dựng, ban hành quy định cụ thể về trách nhiệm tiếp thu góp ý của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp theo Quy định này.

3- Định kỳ hằng năm báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tỉnh hình, kết quả thực hiện Quy định (quan Ban Dân vận Tung ương).

**Điều 21. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm**

1- Tổ chức tiếp thu góp ý của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình.

2- Ban Dân vận Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, định kỳ hằng năm báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**  **-------** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM   ---------------** |
| Số: 99-QĐ/TW | *Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2017* |

**QUYẾT ĐỊNH**

BAN HÀNH HƯỚNG DẪN KHUNG ĐỂ CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI, “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HOÁ” TRONG NỘI BỘ

*- Căn cứ Điều lệ Đảng;*

*- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;*

*- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Kế hoạch của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Trung ương về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;*

*- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,*

**BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ.

**Điều 2.** Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện Hướng dẫn này.

**Điều 3.** Giao Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Hướng dẫn và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Các tỉnh ủy, thành ủy, - Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, - Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, - Ban Bí thư Trung ương Đoàn, - Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, - Lưu Văn phòng Trung ương Đảng. | **T/M BAN BÍ THƯ     Trần Quốc Vượng** |

**HƯỚNG DẪN KHUNG**

ĐỂ CÁC CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TIẾP TỤC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÂN DÂN TRONG ĐẤU TRANH NGĂN CHẶN, ĐẨY LÙI SỰ SUY THOÁI, “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA” TRONG NỘI BỘ  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)*

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (sau đây viết tắt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII), Ban Bí thư Trung ương Đảng hướng dẫn để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, cụ thể như sau:

**I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhằm thống nhất về nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện những nội dung, hình thức công khai để nhân dân biết, góp ý và giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện, giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII.

- Việc phát huy vai trò của nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ phải được tiến hành sâu rộng, thường xuyên, kiên trì, thiết thực, hiệu quả. Mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải gương mẫu, nghiêm túc thực hiện, cầu thị lắng nghe ý kiến, chịu sự giám sát của nhân dân.

**II- NỘI DUNG**

**1- Những nội dung, hình thức công khai để nhân dân biết và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng**

***1.1- Nội dung công khai***

- Công khai 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; 19 điều quy định đảng viên không được làm; các quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá XI, khoá XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; các chủ trương, chính sách, quy chế, quy định để thể chế hoá, cụ thể hoá nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

- Kết luận kiểm toán, kiểm tra, thanh tra; kết quả giải quyết những vấn đề bức xúc, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân; kết quả xử lý các vụ, việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí đã được kết luận; hoạt động và kết quả điều tra, truy tố, xét xử (trừ những vụ, việc phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật).

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân; quy trình, thủ tục giải quyết công việc; danh tính, chức vụ, quyền hạn, thông tin liên hệ, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của tổ chức, công dân.

- Bản cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cán bộ, đảng viên; bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ lãnh đạo, quản lý và người phải kê khai theo quy định.

***1.2- Hình thức công khai***

Công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng; cổng thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở cơ quan, đơn vị; thông qua họp báo, hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chi bộ; thông qua hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội; gửi văn bản hoặc bằng các hình thức khác.

***1.3- Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng***

- Tuyên truyền, quán triệt để các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân nắm rõ mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, xác định trách nhiệm và tự giác thực hiện. Vận động, hướng dẫn các tầng lớp nhân dân nhận thức đầy đủ về quyền, trách nhiệm tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; nhận diện đúng 27 biểu hiện và tích cực tham gia đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc công khai, minh bạch thông tin, phân công trách nhiệm, quy định rõ nội dung, hình thức, phạm vi, thời gian, địa điểm công khai để nhân dân dễ biết, dễ hiểu, dễ giám sát.

- Chống lợi dụng dân chủ để gây mất đoàn kết nội bộ, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng, Nhà nước.

**2- Những nội dung, hình thức nhân dân góp ý và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng**

***2.1- Nội dung góp ý***

*a) Góp ý đối với cấp ủy, tổ chức đảng*

- Việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

- Dự thảo các chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn, quy chế, quy định... của Đảng để cụ thể hoá nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII; dự thảo các văn bản pháp luật của Nhà nước để thể chế hoá nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

- Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII của cấp ủy, tổ chức đảng.

- Mối quan hệ giữa cấp ủy, tổ chức đảng với nhân dân.

*b) Góp ý đối với cán bộ, đảng viên*

- Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cán bộ, đảng viên.

- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, vai trò tiền phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền; việc thực hiện cam kết rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cán bộ, đảng viên.

- Trách nhiệm thực thi công vụ; thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên; mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân.

***2.2- Hình thức góp ý***

- Nhân dân trực tiếp gặp cấp ủy, lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội để phản ánh; thông qua hòm thư góp ý đặt công khai, hệ thống thư điện tử, số điện thoại đường dây nóng; tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng với nhân dân; tiếp xúc cử tri; gửi văn bản hoặc bằng các hình thức khác.

- Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; kiểm điểm hằng năm; kiểm điểm tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân theo Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII; khi chuẩn bị làm quy trình đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu đề cử, ứng cử đối với cán bộ, đảng viên.

***2.3- Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng***

- Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện để việc lấy và tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân được thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước.

- Các ý kiến góp ý đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc cấp nào thì cấp đó có trách nhiệm tiếp nhận, tiếp thu, giải trình trực tiếp thông qua tiếp xúc, đối thoại hoặc bằng văn bản thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội. Các ý kiến chưa thể giải đáp được ngay thì ghi nhận, tiếp thu, xem xét và hẹn thời gian trả lời.

- Khi có ý kiến góp ý, cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm thực hiện các bước: Thông báo nội dung góp ý và yêu cầu tập thể, cá nhân được góp ý báo cáo, giải trình cụ thể về những nội dung được góp ý; tổ chức xác minh làm rõ từng nội dung và kết luận cụ thể, xử lý nghiêm các khuyết điểm, sai phạm (nếu có); thông báo đến chủ thể góp ý về kết quả tiếp thu và xử lý ý kiến góp ý; công khai nội dung tiếp thu ý kiến góp ý (nếu cần thiết).

**3- Những nội dung, hình thức nhân dân giám sát và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng**

***3.1- Nội dung giám sát***

*a) Giám sát đối với cấp ủy, tổ chức đảng*

- Việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, quy chế, quy định thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

- Việc lãnh đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; công tác tổ chức, cán bộ; công tác kiểm toán, kiểm tra, thanh tra; hoạt động và kết quả điều tra, truy tố, xét xử (trừ những vụ, việc phải giữ bí mật theo quy định của pháp luật).

- Việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; giải quyết các điểm nóng, các vụ, việc bức xúc, nổi cộm tại địa phương, đơn vị, nhất là những vụ, việc nhân dân quan tâm.

- Việc khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm của cấp ủy, tổ chức đảng trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

*b) Giám sát đối với cán bộ, đảng viên*

- Về 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên; 19 điều quy định đảng viên không được làm; trách nhiệm thực thi công vụ; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc thực hiện cam kết tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cán bộ, đảng viên; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu.

- Việc tiếp thu và khắc phục, sửa chữa khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII.

***3.2- Hình thức giám sát***

- Thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khoá XI về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Thông qua gửi đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo đến cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; qua phản ánh của các phương tiện truyền thông đại chúng; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

- Thông qua ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản.

***3.3- Trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng***

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung, đối tượng được giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của chủ thể giám sát; yêu cầu đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị giám sát khi cần thiết; tổ chức thực hiện và trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản cho chủ thể giám sát.

- Lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, phản ánh, kiến nghị của nhân dân theo đúng quy định của Đảng, Nhà nước.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

- Khi có đơn, thư, ý kiến phản ánh của nhân dân, phương tiện truyền thông đại chúng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thuộc cấp nào quản lý thì cấp ủy, tổ chức đảng cấp đó có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý; khẩn trương chỉ đạo các tổ chức, cá nhân có liên quan giải quyết và có văn bản để trả lời chủ thể gửi đơn, thư, ý kiến phản ánh theo quy định.

- Kiên quyết xử lý người có hành vi cản trở hoạt động giám sát hoặc trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

**III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện**

- Hoàn thiện pháp luật về hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn, thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, của cơ quan dân cử và đại biểu dân cử; công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đối với hoạt động của Nhà nước trong việc thực hiện pháp luật liên quan đến đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; giám sát việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và kiến nghị của cử tri; đôn đốc các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết kiến nghị của cử tri và nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, qua đó, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, những bức xúc của cử tri liên quan đến sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong cán bộ, đảng viên, đại biểu Quốc hội để xem xét hoặc kiến nghị cơ quan chức năng xử lý và thông báo kết quả cho cử tri biết.

- Hoàn thiện quy định và thực hiện lấy phiếu tín nhiệm định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết đối với các chức danh do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Xây dựng cơ chế xem xét giải quyết những trường hợp có phản ánh của cử tri, nhân dân và dư luận liên quan đến những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”.

**2- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện**

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính; thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ nhân dân của các cơ quan, công chức, viên chức nhà nước; đổi mới cách lấy ý kiến nhân dân, có cơ chế thích hợp để nhân dân hiến kế, bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình.

- Thực hiện nghiêm túc quy định người đứng đầu chính quyền, cơ quan các cấp tiếp công dân định kỳ, đột xuất theo Luật Tiếp công dân; xây dựng cơ chế tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu chính quyền với người dân, doanh nghiệp; quy định chế tài xử lý người đứng đầu nếu thực hiện không nghiêm túc.

- Ban hành cơ chế và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; bảo đảm nguồn lực cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện các hoạt động giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Xây dựng và thực hiện quy định về việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp; có hình thức xử lý kịp thời đối với những tổ chức, cá nhân có chỉ số hài lòng thấp.

**3- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn các đoàn thể chính trị - xã hội, Ban Bí thư Trung ương Đoàn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện**

- Tích cực tuyên truyền để nhân dân nắm rõ nội dung Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, phát huy vai trò, trách nhiệm tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nhận diện đúng 27 biểu hiện suy thoái, 19 điều quy định đảng viên không được làm và tích cực phản ánh, tố giác những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

- Tăng cường tham vấn các chuyên gia, nhà khoa học, những người có uy tín trong cộng đồng để nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực đôn đốc, theo dõi kết quả việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát.

- Nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng, tập hợp đầy đủ ý kiến, kiến nghị của đoàn viên, hội viên, cử tri và nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên để phản ánh, kiến nghị với cấp ủy, chính quyền; thông báo cho đoàn viên, hội viên và nhân dân biết về kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ nhân dân tự quản; nâng cao năng lực, trình độ cán bộ làm công tác mặt trận, đoàn thể.

**4- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đoàn**

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hoá Hướng dẫn để tổ chức thực hiện, gắn với thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khoá XI. Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm và gương mẫu trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Hướng dẫn.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Hướng dẫn; kịp thời khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt; chấn chỉnh, xử lý nghiêm những cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chưa tốt. Định kỳ báo cáo Ban Bí thư tình hình, kết quả thực hiện Hướng dẫn (qua Ban Dân vận Trung ương).

**5- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng Trung ương**theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Hướng dẫn, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ, công khai để nhân dân biết, ủng hộ và tích cực tham gia thực hiện.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG -------** | | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ---------------** | |
| Số: 124-QĐ/TW | *Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018* | |

**QUY ĐỊNH**

VỀ GIÁM SÁT CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ NHÂN DÂN ĐỐI VỚI VIỆC TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU, CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN

*- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XII;*

*- Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ;*

*- Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh",*

*Ban Bí thư Quy định về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên như sau:*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng và đối tượng giám sát**

Quy định này quy định về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

**Điều 2. Mục đích giám sát**

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, góp Phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

**Điều 3. Nguyên tắc giám sát**

1- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

2- Phối hợp chặt chẽ giữa MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm cản trở hoặc ảnh hưởng đến công việc, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, gia đình người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

3- Trên tinh thần xây dựng, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan, minh bạch; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng.

**Điều 4. Chủ thể giám sát**

1- MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở.

2- Nhân dân thực hiện quyền giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; phản ảnh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan có thẩm quyền về những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

**Chương II**

**NỘI DUNG, PHẠM VI, HÌNH THỨC GIÁM SÁT; TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN GIÁM SÁT**

**Điều 5. Nội dung giám sát**

1- Các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2- Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên.

**Điều 6. Phạm vi giám sát**

1- Giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp ở nơi làm việc; giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt, cư trú trên địa bàn khu dân cư.

2- Trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống thì chủ thể giám sát báo cáo, phản ảnh với cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên.

**Điều 7. Hình thức giám sát**

1 - Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

2- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ảnh của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và nhân dân; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

**Điều 8. Tiếp nhận, xử lý thông tin giám sát**

1 - Khi phát hiện hoặc tiếp nhận báo cáo, phản ảnh về những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên, Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội báo cáo bằng văn bản hoặc phản ảnh trực tiếp với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp để xem xét, xử lý.

2- Cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi tiếp nhận báo cáo, phản ảnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xem xét, giải quyết. Chậm nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, phản ảnh của chủ thể giám sát, cấp có thẩm quyền thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết đến chủ thể giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Nếu vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài, nhưng không quá 30 ngày làm việc. Trường hợp xác định cán bộ, đảng viên có vi phạm thì cấp ủy, tổ chức đảng xem xét, xử lý theo quy định.

**Chương III**

**QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ GIÁM SÁT, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT**

**Điều 9. Quyền, trách nhiệm của chủ thể giám sát**

1 - Giám sát thường xuyên đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên trong phạm vi giám sát.

2- Được mời tham dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, tổ chức đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân liên quan đến nội dung giám sát; các cuộc đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

3- Công tâm, dân chủ, khách quan khi thực hiện giám sát; chịu trách nhiệm trước cấp ủy, tổ chức đảng về kết quả giám sát; tránh nể nang, né tránh hoặc để bị lợi dụng trong hoạt động giám sát.

4- Báo cáo kết quả giám sát với cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền và cơ quan quản lý cán bộ, đảng viên; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, kiểm tra, xử lý kết quả giám sát; theo dõi việc xử lý kết quả giám sát của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và đối tượng được giám sát.

**Điều 10. Quyền, trách nhiệm của đối tượng giám sát**

1 - Được đề nghị, phản ảnh, báo cáo với cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan có thẩm quyền xem xét về báo cáo, nhận xét, đánh giá của chủ thể giám sát đối với mình hoặc khi chủ thể giám sát thực hiện không đúng nội dung, phạm vi, trách nhiệm, vi phạm Quy định này.

2- Từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ của mình hoặc không liên quan đến nội dung, phạm vi giám sát.

3- Chịu sự giám sát của chủ thể giám sát theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này.

**Chương IV**

**KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy định thì được biểu dương, khen thưởng; nêu vi phạm Quy định thì tùy theo nội dung, tính chất, mức độ tác hại, nguyên nhân vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trách nhiệm thực hiện**

1- Các cấp ủy, tổ chức đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp triển khai thực hiện Quy định này; định kỳ 3 tháng, 6 tháng và hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy định với cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên.

2- Người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm sự giám sát của MTTQVN, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân theo Quy định này.

3- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện Quy định tới các cấp thuộc tổ chức mình.

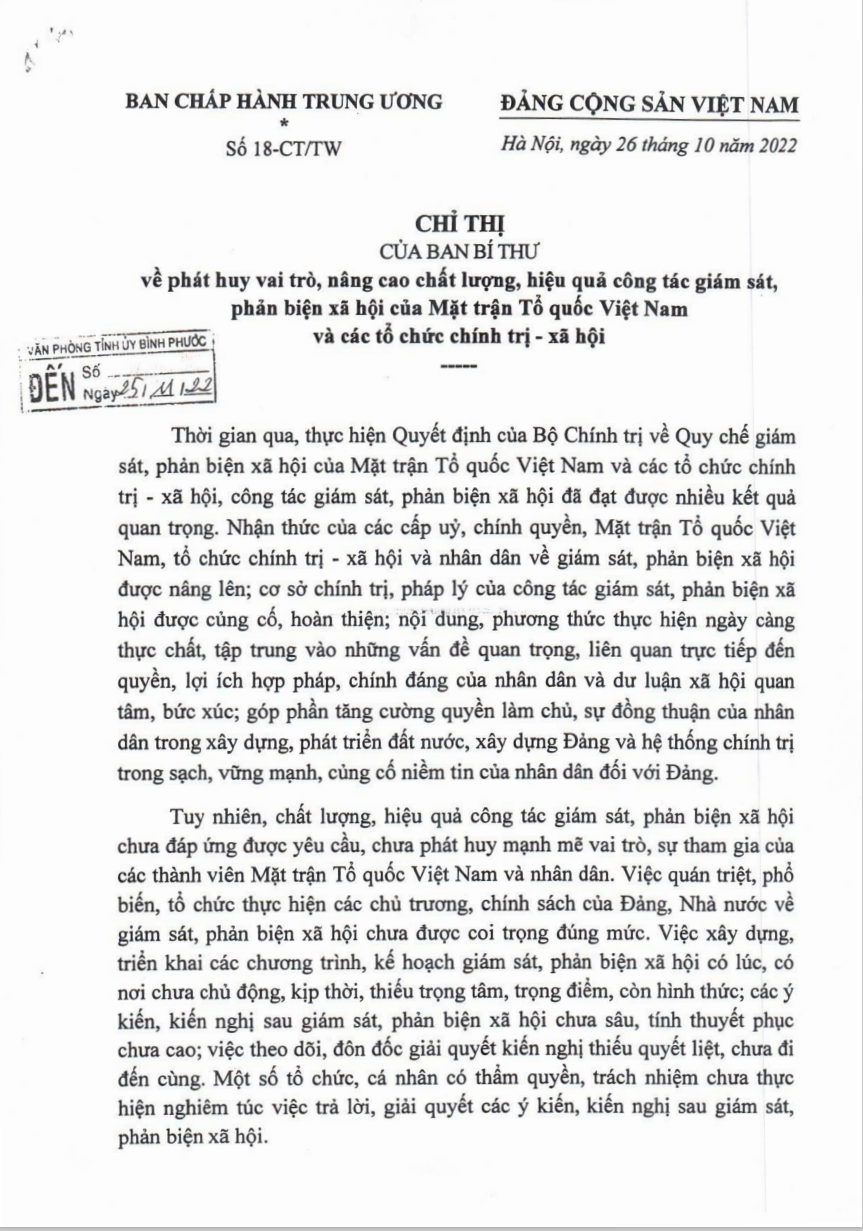
4- Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng ở Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

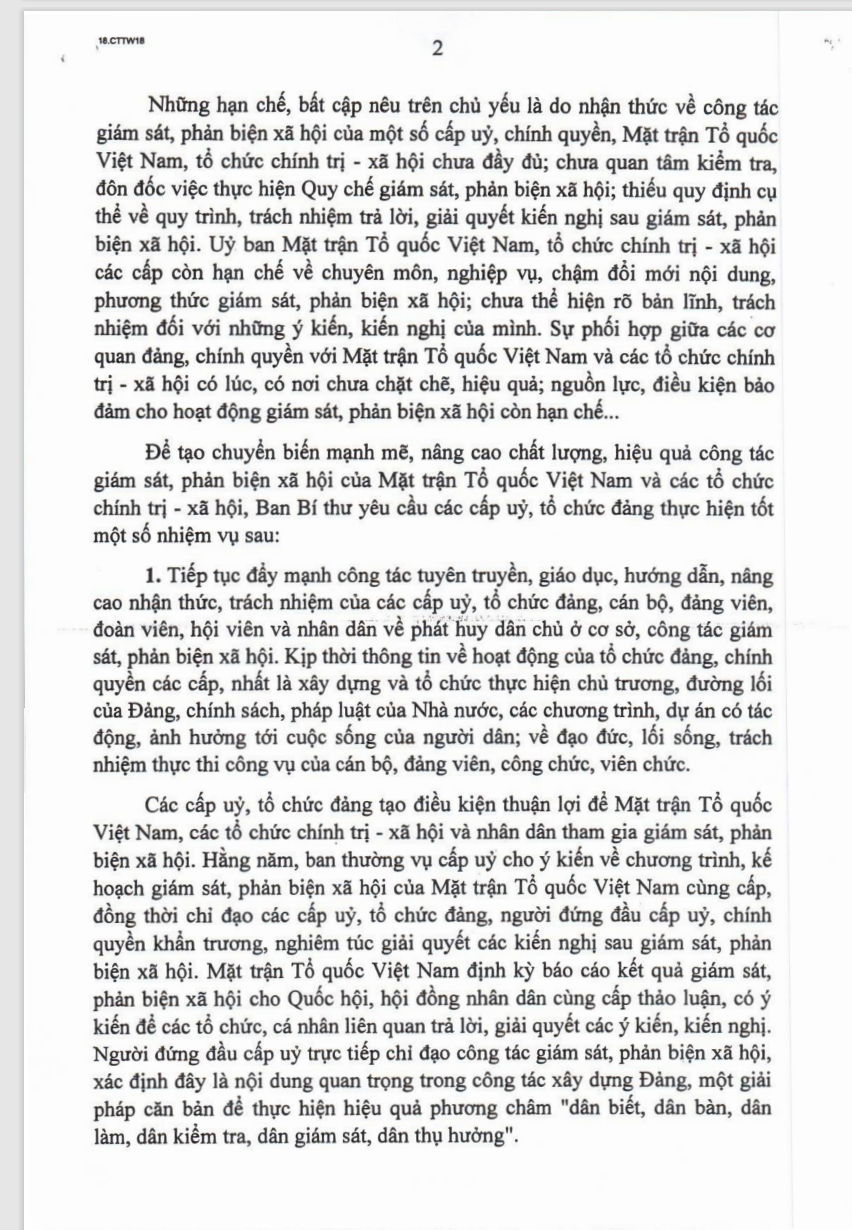
**Điều 13. Hiệu lực thi hành**

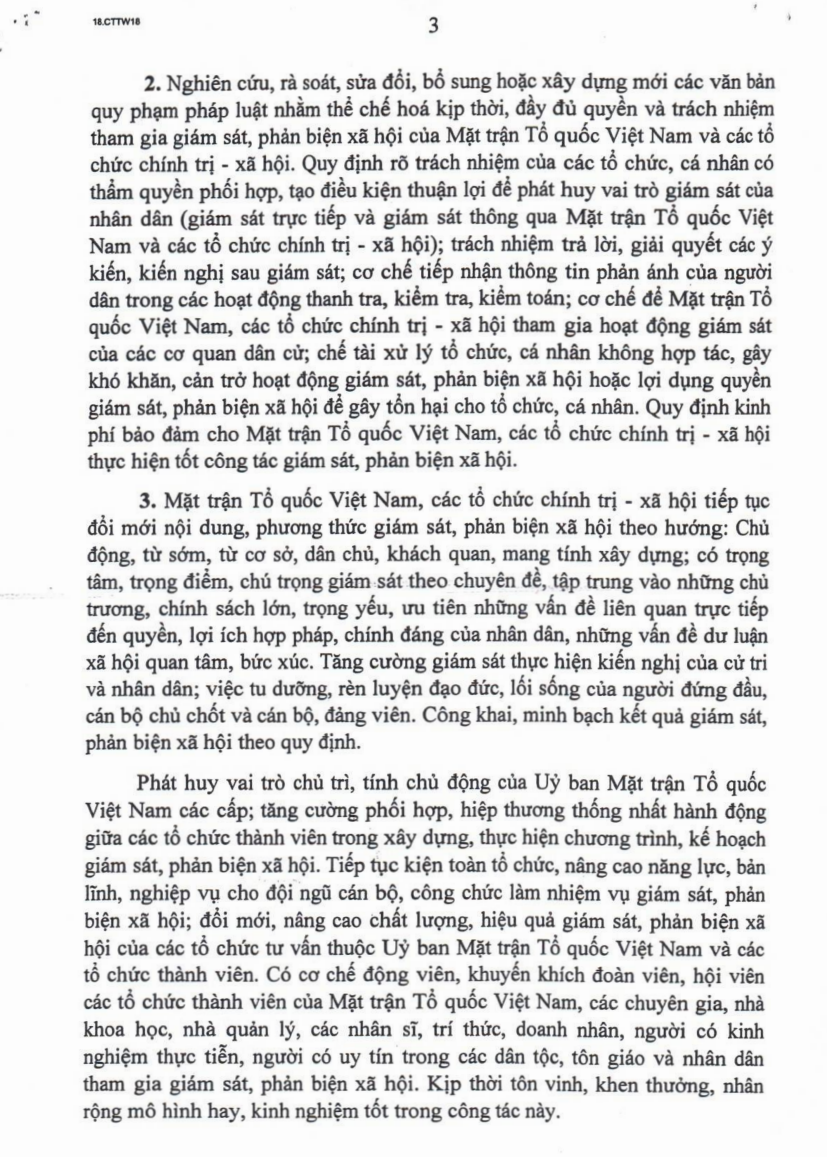
1 - Các cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ, đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

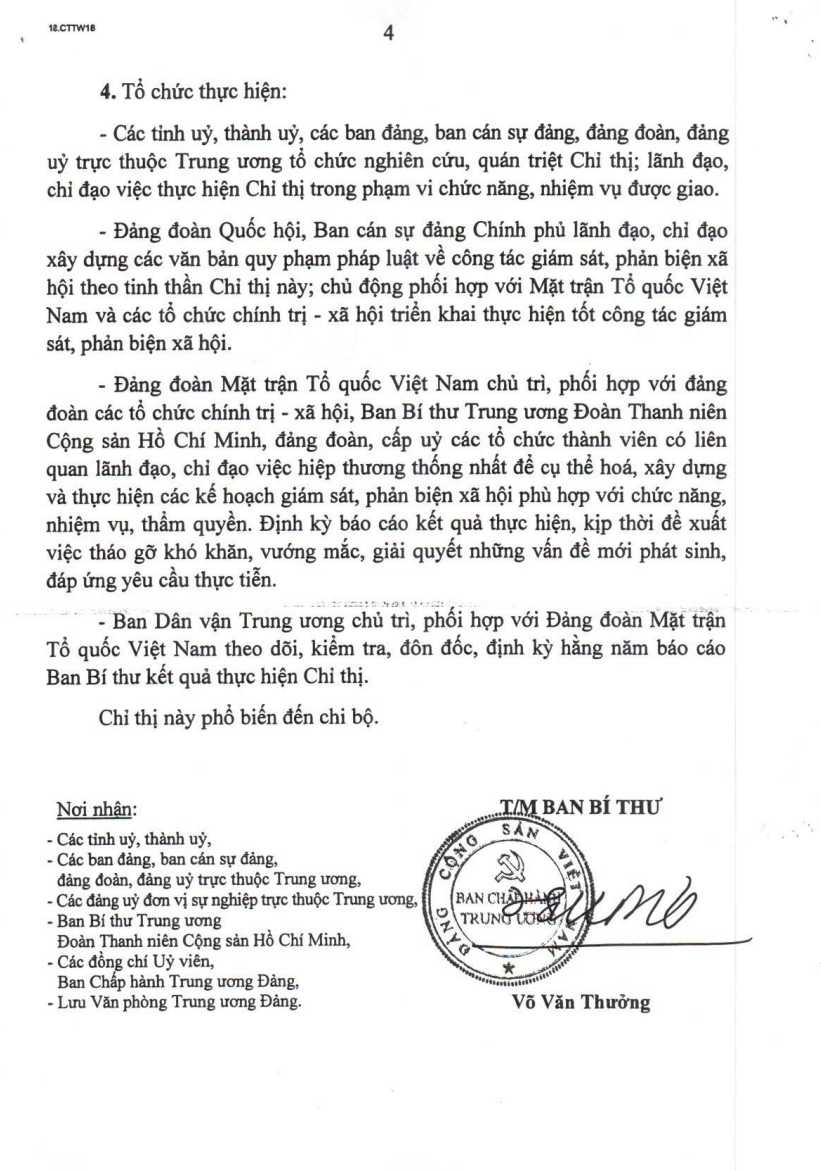
2- Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ, ban công tác Mặt trận khu dân cư, chi đoàn, chi hội của các tổ chức chính trị - xã hội.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Các tỉnh ủy, thành ủy, - Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương, - Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương, - Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành TW, - Lưu Văn phòng Trung ương Đảng. | **T/M BAN BÍ THƯ      Trần Quốc Vượng** |









**Trích Quy định Số: 69-QĐ/TW *ngày 06 tháng 7 năm 2022* của Bộ Chính trị Quy định về kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.**

Điều 14. Vi phạm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Vi phạm một trong các trường hợp sau, gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát việc tiếp thu ý kiến góp ý chính đáng của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định.

b) Không xử lý theo thẩm quyền hoặc không chỉ đạo xử lý các trường hợp vi phạm trong tiếp thu ý kiến góp ý của nhân dân, giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cấp ủy, tổ chức đảng.

c) Lợi dụng tiếp thu ý kiến để làm sai lệch nội dung ý kiến góp ý của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân đối với tổ chức đảng, cơ quan nhà nước.

d) Thờ ơ vô cảm, không kiến nghị những vấn đề bức xúc, sai trái đã được phản ánh gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích, đời sống của người dân.

2. Vi phạm lần đầu những trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo:

a) Không lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan chức năng xem xét giải quyết kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Không lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối thoại trực tiếp với công dân theo quy định dẫn đến gây mất ổn định tình hình chính trị - xã hội ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Kỷ luật bằng hình thức giải tán đối với trường hợp có chủ trương, hành động chống đối hoặc lợi dụng góp ý của nhân dân, giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để xuyên tạc chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Luật số: 75/2015/QH13 | *Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2015* |

**LUẬT**

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Kế thừa vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về quyền, trách nhiệm, tổ chức, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước, Nhân dân và các tổ chức; điều kiện bảo đảm hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Điều 3. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

1. Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

4. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.

5. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

6. Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.

**….**

**Điều 7. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước**

1. Quan hệ giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước là quan hệ phối hợp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và quy chế phối hợp công tác do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước có liên quan ở từng cấp ban hành.

2. Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thông tin kịp thời cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam việc thực hiện chế độ báo cáo trước Nhân dân về những vấn đề quan trọng thuộc trách nhiệm quản lý của mình theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

3. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoạt động có hiệu quả.

…

**Chương V**

**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

**Điều 25. Tính chất, mục đích và nguyên tắc giám sát**

1. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.

2. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mang tính xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý sai phạm, khuyết điểm; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, các điển hình tiên tiến và những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

3. Hoạt động giám sát được thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm phát huy dân chủ, sự tham gia của Nhân dân, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân; thực hiện công khai, minh bạch, không chồng chéo; không làm cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

**Điều 26. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát**

1. Đối tượng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan nhà nước, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức.

2. Nội dung giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc quy định của pháp luật, các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

Các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát đối với đối tượng, nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, quyền và trách nhiệm của tổ chức mình.

**Điều 27. Hình thức giám sát**

1. Nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

2. Tổ chức đoàn giám sát.

3. Thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân được thành lập ở cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

5. Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành nghị quyết liên tịch quy định chi tiết Điều này.

**Điều 28. Quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hoạt động giám sát**

1. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát; quyết định thành lập đoàn giám sát và tổ chức hoạt động giám sát theo kế hoạch hoặc khi cần thiết.

2. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

3. Xem xét khách quan, khoa học những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

4. Tổ chức đối thoại để làm rõ nội dung kiến nghị sau giám sát khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát.

5. Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét áp dụng các biện pháp để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

6. Ban hành hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan ban hành văn bản về kết quả giám sát; chịu trách nhiệm về những nội dung kiến nghị sau giám sát.

7. Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

8. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người có thành tích trong hoạt động giám sát.

**Điều 29. Quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát**

1. Được thông báo trước về nội dung, kế hoạch giám sát.

2. Báo cáo bằng văn bản theo nội dung giám sát; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; báo cáo bổ sung, làm rõ những vấn đề liên quan.

3. Trình bày ý kiến về các nội dung liên quan thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Đề nghị xem xét lại kiến nghị sau giám sát, đối thoại để làm rõ nội dung các kiến nghị đó khi cần thiết.

5. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát.

6. Xem xét, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Thực hiện kết luận, quyết định giải quyết của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành liên quan đến những nội dung kiến nghị giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Điều 30. Trách nhiệm của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Định kỳ 6 tháng, Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nghe Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thông báo kết quả giám sát; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xem xét kiến nghị và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho hoạt động giám sát theo yêu cầu; cử người tham gia giám sát về những nội dung có liên quan; tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát; xem xét, giải quyết kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**Điều 31. Quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc bãi nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn**

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh có quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu Quốc hội không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương có quyền đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có trách nhiệm tập hợp, tổng hợp đầy đủ, kịp thời ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm gửi đến Quốc hội, Hội đồng nhân dân trước kỳ họp.

**Chương VII**

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

**Điều 37. Bộ máy giúp việc; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Mặt trận**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có bộ máy giúp việc. Tổ chức, biên chế bộ máy giúp việc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp do cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người làm công tác Mặt trận không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, nghiệp vụ công tác Mặt trận, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

3. Cơ quan nhà nước có liên quan tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng và phát huy đội ngũ chuyên gia, tư vấn, cộng tác viên.

**Điều 38. Kinh phí hoạt động, tài sản và cơ sở vật chất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

1. Kinh phí hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước giao, tài sản và các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài tặng, cho theo quy định của pháp luật.

**Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức**

1. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ khi được cử vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc được phân công tham gia hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hoặc thực hiện các chương trình, dự án mà Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được giao; cung cấp thông tin, tài liệu khi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam yêu cầu.

3. Tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; hưởng ứng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, tổ chức.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 40. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 14/1999/QH10 hết hiệu lực thi hành từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 41. Quy định chi tiết**

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2015.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI     Nguyễn Sinh Hùng** |

**Trính một số Điều của Luật số 10/2022/QH15 Thực hiện dân chủ ở cơ sở liên quan đến hoạt động của Ban Thanh Tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

**LUẬT**

**THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ ở cơ sở, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Cơ sở** là xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị); tổ chức có sử dụng lao động.

2. ***Thực hiện dân chủ ở cơ sở*** là phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, để công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông tin, thể hiện ý chí, nguyện vọng, chính kiến của mình thông qua việc thảo luận, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát các vấn đề ở cơ sở theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

3. ***Cộng đồng dân cư*** là nhóm công dân Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố).

4. ***Tổ chức có sử dụng lao động*** bao gồm doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức khác có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động thuộc khu vực ngoài Nhà nước.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, ***vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.***

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động bình thường của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

**Điều 4. Phạm vi thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Mọi công dân thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú.

2. Công dân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị nơi mình công tác. Trường hợp cơ quan, đơn vị có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Công dân là người lao động thực hiện dân chủ tại tổ chức có sử dụng lao động nơi mình có giao kết hợp đồng lao động. Trường hợp tổ chức có sử dụng lao động có đơn vị trực thuộc thì việc thực hiện dân chủ tại đơn vị trực thuộc thực hiện theo quy định tại điều lệ, nội quy, quy định, quy chế của tổ chức có sử dụng lao động và pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

**Điều 7. Quyền thụ hưởng của công dân**

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

4. Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

**Điều 8. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

**Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt vùng, miền, giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

**Điều 10. Xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở**

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm quy định của Luật này, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**…**

**Mục 2**

**NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 15. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định**

…

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

…

**Điều 17. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định**

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức để Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;

c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại các khoản  3, 4 và 5 Điều 15 của Luật này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 của Luật này. Hình thức phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này.

Hình thức biểu quyết trực tuyến chỉ áp dụng trong trường hợp cộng đồng dân cư quyết định các công việc quy định tại khoản 6 Điều 15 của Luật này mà Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố thấy không cần thiết tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư hoặc phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

**Điều 18. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư**

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì tổ chức; trường hợp cuộc họp để bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn, tổ dân phố đó để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng đại diện được cho các thành viên hộ gia đình; trường hợp hộ gia đình không có người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

**Điều 19. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình**

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố hoặc trong địa bàn cấp xã đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật này;

c) Các trường hợp khác do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất là 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến. Tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

**Mục 4**

**NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**Tiểu mục 1**

**NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**Điều 30. Nội dung kiểm tra, giám sát**

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 15 của Luật này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 31. Hình thức kiểm tra, giám sát**

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

 2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

…

**Điều 34. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân**

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã, đối với cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thay mặt Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 và Tiểu mục 3 của Mục này.

**Điều 35. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật này có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

c) Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn cấp xã làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung của quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật này. Khuyến khích các địa phương xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở xã, phường, thị trấn;

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

**Tiểu mục 2**

**BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Điều 36. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. ***Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã*** nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên cùng địa bàn.

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tín nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị thôn, tổ dân phố đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ.

Trường hợp khuyết thành viên Ban Thanh tra nhân dân trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

 3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

**Điều 37. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư.

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

**Điều 39. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về hoạt động của mình với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Ban Thanh tra nhân dân được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

**Điều 40. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân về những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương;

b) Cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn cấp xã;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn việc tổ chức hội nghị của cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân;

b) Công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thông báo kết quả bầu và thành phần Ban Thanh tra nhân dân đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương;

c) Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch,  nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết;

d) Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân;

đ) Động viên Nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

3. Chính phủ quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

**Tiểu mục 3**

**BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

**Điều 41. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn cấp xã, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

**Điều 42. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã; không có người thân là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn cấp xã.

**Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã;

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân;

đ) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

**Điều 44. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng bám sát các nhiệm vụ và nội dung kiểm tra, giám sát quy định tại Điều 43 của Luật này.

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Trưởng ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.Điều 52.

**Điều 45. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố phối hợp cùng Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tổ chức cuộc họp của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu;

b) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương;

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Động viên Nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thông báo kết quả thực hiện đến Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

4. Chính phủ quy định chi tiết tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

…

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

**Điều 83. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở cơ sở và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Thực hiện các biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân trong việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

d) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ tại xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm sau đây:

a) Giúp Chính phủ quản lý nhà nước về thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động;

b) Phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện dân chủ ở tổ chức có sử dụng lao động.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc cấp kinh phí cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

5. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, căn cứ vào quy định của Luật này, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ các cơ quan của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

6. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chịu trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**Điều 84. Trách nhiệm của các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước**

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, căn cứ vào quy định của Luật này, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Hội đồng nhân dân các cấp phù hợp với tính chất đặc thù trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị này.

**Điều 85. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thi hành pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

2. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.

3. Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tình hình thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn khi được yêu cầu.

**Điều 86. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Hội đồng nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ trong phạm vi địa bàn cấp xã;

b) Giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã trong việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn cấp xã;

b) Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã;

c) Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã;

d) Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

3. Tại nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật này.

4. Tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn. Hội đồng nhân dân cấp huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã và Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 87. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp**

1. Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

**Điều 88. Trách nhiệm của Công đoàn Việt Nam các cấp**

1. Tổ chức vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

3. Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; theo dõi, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của đoàn viên công đoàn.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

**Điều 89. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội khác**

1. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của hội viên, đoàn viên và Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của hội viên, đoàn viên.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 90. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của  Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Nghị quyết số 55/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 30 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

**Điều 91. Áp dụng pháp luật và quy định chuyển tiếp**

1. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định cụ thể về nội dung, hình thức, thời hạn, trình tự, thủ tục công khai thông tin, lấy ý kiến tham gia của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các lĩnh vực cụ thể thì thực hiện theo quy định của luật đó.

2. Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trên cơ sở các nguyên tắc được quy định tại Luật này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của tổ chức mình, quy định việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, các quyết định khác của cộng đồng dân cư được công nhận, thông qua trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  ------------ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 59/2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023* |

**NGHỊ ĐỊNH**

QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THỰC HIỆN

DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 23; khoản 4 Điều 33; khoản 3 Điều 40; khoản 4 Điều 45; khoản 3 Điều 63 và khoản 4 Điều 81 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, gồm các nội dung sau:

1. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình; biểu quyết trực tuyến tại thôn, tổ dân phố để Nhân dân bàn và quyết định; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư.

2. Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

3. Tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị; ở doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với công dân Việt Nam cư trú tại xã, phường, thị trấn, tại thôn, tổ dân phố nơi mình cư trú; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan nhà nước, đơn vị; doanh nghiệp nhà nước và người lao động tại các doanh nghiệp nhà nước.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ ở cơ sở tại xã, phường, thị trấn; trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tại các doanh nghiệp nhà nước.

**Chương II**

**TỔ CHỨC CUỘC HỌP, HỘI NGHỊ ĐỊNH KỲ CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH; BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH; QUY TRÌNH BẦU, CHO THÔI LÀM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ**

**Mục 1. TỔ CHỨC CUỘC HỌP CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ; PHÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỦA HỘ GIA ĐÌNH VÀ BIỂU QUYẾT TRỰC TUYẾN TẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ ĐỂ NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 3. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định**

1. Thẩm quyền triệu tập, chủ trì và nội dung tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định những nội dung được quy định tại khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Tổ bầu cử (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập) triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

c) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

d) Trường hợp khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại thôn, tổ dân phố triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

đ) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền cho một thành viên Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp của cụm dân cư và báo cáo kết quả với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

2. Thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư được quy định tại khoản 1, 2 Điều 18 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp phải thuận lợi, phù hợp với điều kiện thực tế để cộng đồng dân cư tham gia đầy đủ.

3. Thông tin về cuộc họp của cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 01 kèm Nghị định này) phải được thông báo đến thành phần tham dự ít nhất 02 ngày trước khi tổ chức cuộc họp bằng một trong các hình thức sau: Giấy mời, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình, qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập và được niêm yết công khai tại nhà văn hóa, các điểm sinh hoạt cộng đồng của cụm, thôn, tổ dân phố.

4. Tài liệu cuộc họp để cộng đồng dân cư bàn và quyết định phải được chuẩn bị đầy đủ trước khi tổ chức cuộc họp. Đối với các nội dung thuộc khoản 1, 2, 3 Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở thì tài liệu phục vụ cuộc họp phải được gửi đến từng hộ gia đình, cá nhân liên quan ít nhất 02 ngày trước khi cuộc họp diễn ra bằng hình thức trực tiếp hoặc qua ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập.

5. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

a) Người chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 1 Điều này tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Căn cứ nội dung cụ thể của từng cuộc họp, người chủ trì hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan theo chương trình cuộc họp.

b) Người tham dự cuộc họp thảo luận về những nội dung được người chủ trì hoặc người được phân công trình bày.

Đối với cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn thì đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đã thống nhất với cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố và đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn điều kiện để tham gia bầu.

Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp các ý kiến thảo luận, đề xuất những nội dung cần được biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín để người tham dự biểu quyết lựa chọn. Phương án được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

c) Biểu quyết đối với những nội dung đã được thảo luận

Đối với hình thức biểu quyết giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

Đối với hình thức biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người (gồm Trưởng ban và các thành viên) để đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp giơ tay biểu quyết đồng ý.

Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu và tiến hành phát phiếu.

Sau khi kết thúc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu (Trong quá trình kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu mời 02 đại hộ gia đình tham dự cuộc họp chứng kiến việc kiểm phiếu) và lập biên bản kiểm phiếu theo mẫu số 02 kèm theo Nghị định này. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu được lập thành 03 bản và gửi kèm theo Quyết định của cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và lưu tại thôn, tổ dân phố.

d) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết đối với từng nội dung biểu quyết và kết luận cuộc họp. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng các hình thức văn bản: nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư trong đó thể hiện rõ nội dung quyết định của cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Trường hợp cuộc họp bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì người trúng cử ra mắt cuộc họp. Nếu không xác định được người trúng cử thì nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong biên bản cuộc họp để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại.

Ngay sau khi cuộc họp kết thúc, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua (theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định này) phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Trường hợp tổ chức cuộc họp cụm dân cư theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định phương án tổ chức cuộc họp sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

Phương án tổ chức cuộc họp theo từng cụm dân cư bao gồm các nội dung: số lượng cụm dân cư; người chủ trì hoặc được ủy quyền chủ trì cuộc họp từng cụm dân cư; dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp, phân công thực hiện, báo cáo kết quả cuộc họp từng cụm dân cư và tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

**Điều 4. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để Nhân dân bàn và quyết định**

1. Các trường hợp tổ chức phát phiếu lấy ý kiến

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình đối với những nội dung quy định tại Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã.

b) Đối với những nội dung quy định tại Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở đã được thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện của số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố quyết định tổ chức phát phiếu lấy ý kiến biểu quyết của hộ gia đình đối với nội dung quy định tại khoản 6 Điều 15 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố.

2. Xây dựng kế hoạch phát phiếu lấy ý kiến

Căn cứ từng trường hợp phát phiếu lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố xây dựng Kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến gồm các nội dung chính sau: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thành phần, thời gian, thời hạn lấy ý kiến, phân công tổ chức thực hiện, các điều kiện bảo đảm việc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

Kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chậm nhất 02 ngày kể từ ngày ban hành Kế hoạch.

3. Thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố quyết định thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến từ 03 đến 05 thành viên gồm: đại diện thôn, tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố. Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố là Tổ trưởng.

4. Công khai thông tin về việc phát phiếu lấy ý kiến

Thông tin về việc phát phiếu lấy ý kiến được công khai bằng một trong các hình thức: niêm yết tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố, thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình, qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập ít nhất 02 ngày trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến. Nội dung thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Phiếu lấy ý kiến

a) Đối với từng trường hợp phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quy định mẫu phiếu, hướng dẫn và ban hành mẫu phiếu.

b) Phiếu phải đảm bảo các nội dung sau: tiêu đề phiếu, nội dung lấy ý kiến, nội dung để hộ gia đình lựa chọn biểu quyết và hướng dẫn cách lựa chọn, ý kiến khác để hộ gia đình tham gia (nếu có) và thời hạn thu phiếu lấy ý kiến.

Ủy ban nhân dân cấp xã đóng dấu treo ở phía trên bên trái của từng phiếu lấy ý kiến để biểu quyết nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ký trực tiếp vào góc bên phải phía dưới của từng phiếu lấy ý kiến để biểu quyết đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố.

6. Tiến hành phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

a) Tổ phát phiếu gửi trực tiếp phiếu lấy ý kiến đến từng hộ gia đình; thu phiếu theo thời hạn đã được quy định trên phiếu. Tổ phát phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu theo mẫu số 04 quy định tại Nghị định này. Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ phát phiếu mời đại diện 02 hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu.

b) Kết quả lấy ý kiến để Nhân dân bàn và quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được thông qua khi tổng số phiếu biểu quyết của đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c) Đối với việc phát phiếu lấy ý kiến về nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả phiếu lấy ý kiến ở thôn, tổ dân phố để tổng hợp kết quả chung của toàn cấp xã.

7. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

8. Công nhận kết quả phát phiếu lấy ý kiến và hiệu lực quyết định của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**…**

**Chương III**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN; CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

**Mục 1. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

**Điều 12. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch; quá trình tiến hành các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được kiểm tra, giám sát.

2. Không được lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn để kích động, dụ dỗ, lôi kéo tổ chức, cá nhân, Nhân dân để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

3. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

**Điều 13. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Trên cơ sở đề nghị của Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xem xét, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; hướng dẫn bầu, bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã phường, thị trấn.

Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi, bầu bổ sung làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được xác định trên cơ sở tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 thành viên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định số lượng cụ thể thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn theo nguyên tắc bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố có đại diện tham gia là thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

Đối với xã, phường, thị trấn có dưới 05 thôn, tổ dân phố thì được bầu tối đa 05 thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

Số lượng Phó Trưởng ban do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn nhưng không quá 02 người.

**Điều 14. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động

a) Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 38 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo từng quý, 06 tháng, hằng năm và nhiệm kỳ.

Kế hoạch gồm các nội dung cơ bản: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác cho việc thực hiện Kế hoạch hoạt động.

Kế hoạch hoạt động có thể được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất.

b) Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể để gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và đối tượng kiểm tra, giám sát khác (nếu có) chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát.

2. Phương thức hoạt động

a) Tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

b) Làm việc với các tổ chức, cá nhân liên quan để thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, đối chiếu, tổng hợp thông tin và đánh giá, làm rõ nội dung phản ánh, kiến nghị.

c) Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát, xác minh đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ báo cáo

Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng quý, 06 tháng năm, nhiệm kỳ, đột xuất khi có yêu cầu hoặc phát sinh.

**Điều 15. Phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn**

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ được giao. Thường xuyên liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Nhân dân để tiếp nhận, phản hồi kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết kịp thời ý kiến phản ánh của Nhân dân theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Mục 2. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

**Điều 16. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Tuân thủ theo quy định của pháp luật; thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả, không gây cản trở, ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện chương trình, dự án.

3. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

**Điều 17. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị cử và hướng dẫn tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu.

Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu, cho thôi làm thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đối với số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là đại diện người dân trên địa bàn thôn, tổ dân phố nơi có chương trình, dự án do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định nhưng không quá 05 người.

3. Số lượng Phó Trưởng Ban do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng nhưng không quá 02 người.

**Điều 18. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 43 của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và phải phù hợp với của từng chương trình, dự án.

Kế hoạch hoạt động gồm các nội dung cơ bản: mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, kinh phí, tổ chức thực hiện và các điều kiện bảo đảm khác. Kế hoạch hoạt động được điều chỉnh khi chương trình, dự án có sự thay đổi.

2. Phương thức hoạt động

a) Tiếp nhận thông tin phản ánh trực tiếp hoặc qua hòm thư góp ý của công dân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chương trình, dự án thuộc phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Chủ động thu thập, thông tin, tài liệu để tiến hành phân tích, đối chiếu và tổng hợp, đánh giá tính xác thực, sự phù hợp khi thực hiện chương trình, dự án; nội dung phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về chương trình, dự án trên địa bàn.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát trực tiếp tại nơi thực hiện chương trình, dự án. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có thể mời người có chuyên môn liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát cùng tham gia kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định.

d) Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có phản ánh, kiến nghị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện các vấn đề vi phạm hoặc có các kiến nghị khác về các chương trình, dự án trong quá trình giám sát, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ báo cáo

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng định kỳ báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc khi có yêu cầu về kết quả giám sát các chương trình, dự án trên địa bàn.

**Điều 19. Công tác phối hợp thực hiện hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng liên hệ chặt chẽ với Nhân dân để nắm bắt thông tin do Nhân dân phản ánh, kịp thời báo cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để giải quyết; đồng thời, thông tin lại cho Nhân dân về kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

2. Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2023.

**Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Tổ chức của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đã thành lập tiếp tục được thực hiện cho đến khi kết thúc chương trình, dự án.

2. Tổ chức của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được thực hiện cho đến khi tổ chức bầu nhiệm kỳ mới.

**Điều 30. Phối hợp tổ chức, thực hiện**

1. Đề nghị Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định về tổ chức, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn các cấp thực hiện quy định về tổ chức, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị và ở doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 31. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, QHĐP (2). Th Tùng | **TM. CHÍNH PHỦ KT. THỦ TƯỚNG PHÓ THỦ TƯỚNG     Trần Lưu Quang** |

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ)*

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ/PHƯỜNG.... **THÔN, TỔ DÂN PHỐ .... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *..., ngày … tháng … năm …* |

**GIẤY MỜI**

Trân trọng kính mời ông (bà):.......................................................................

Về việc............................................................................................................

**1. Thời gian, địa điểm**

a) Thời gian:

b) Địa điểm:

**2. Thành phần**

a) Chủ trì:

b) Đại biểu tham dự:

**3. Nội dung**

**4. Đầu mối liên hệ thông tin về cuộc họp:**……………………………………………….

**5. Các tài liệu phục vụ cuộc họp** (nếu có).

Thôn, tổ dân phố.... đề nghị ông (bà) bố trí thời gian tham gia đầy đủ, đúng thành phần.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chủ trì cuộc họp**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ/PHƯỜNG.... **THÔN, TỔ DÂN PHỐ ....** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------** |
|  | *..., ngày … tháng … năm …* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**

**Về việc ………..**

Hôm nay, vào hồi …. giờ ….. phút,.... ngày …. tháng …. năm ..., tại …… thôn, tổ dân phố... tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc ……………

Ban kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) ………………………………………… Tổ trưởng

2. Ông (bà) ………………………………………… Thành viên

3. Ông (bà) ………………………………………… Thành viên

4. Ông (bà) ………………………………………… Thành viên

5. Ông (bà) ………………………………………… Thành viên

Đại diện hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà) ..................................................................................................

2. Ông (bà) ......................................................................................

**Kết quả kiểm phiếu như sau:**

- Tổng số đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố: ..........................

- Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia bỏ phiếu: ……………….., chiếm tỷ lệ ………..%

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự: …………………, chiếm tỷ lệ ………..%

- Số phiếu phát ra: ……………… phiếu

- Số phiếu thu về: ……………… phiếu

- Số phiếu hợp lệ: ……………… phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: ………. phiếu

Kết quả cụ thể:

(1)...........................................................................................................

(2).................................................................................................................

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ kiểm phiếu và 02 người chứng kiến việc kiểm phiếu.

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CHỨNG KIẾN** | |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ/PHƯỜNG.... **THÔN, TỔ DÂN PHỐ .... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *..., ngày … tháng … năm …* |

**NGHỊ QUYẾT/BIÊN BẢN CUỘC HỌP/BẢN GHI NHỚ/BẢN THỎA THUẬN CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

**Về việc ……………**

Hôm nay, vào hồi.... giờ ……… phút, ngày …… tháng ……. năm, tại …….., thôn, tổ dân phố.... tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc ............................................................................................................

**I. Thành phần tham dự**

1. Chủ trì: Ông (bà) ……………………………….. Chức vụ: .....................

2. Thư ký: Ông (bà) ……………………………….. Chức vụ: ..................... 3. Thành phần tham dự: .................................................................

- Số hộ gia đình có đại diện tham dự cuộc họp: ...........................................

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự: .....................................

**II. Nội dung cuộc họp**

1......................................................................................................................

2................................................................................................................................................................................................................................

**III. Ý kiến phát biểu, thảo luận**

1......................................................................................................................

2.................................................................................................................................................................................................................................

**IV. Kết quả biểu quyết**

**1. Đối với hình thức biểu quyết bằng giơ tay**

- Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố ......................................

- Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia biểu quyết:…………..., chiếm tỷ lệ ……….%

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham gia biểu quyết:...., chiếm tỷ lệ ………%

- Kết quả biểu quyết như sau:.......................................................................................

(1)....................................................................................................................

(2)................................................................................................................

**2. Đối với hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín**

- Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố .................................................

- Số đại diện hộ gia đình có mặt tham gia biểu quyết:…………..., chiếm tỷ lệ ……….%

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham gia biểu quyết:...., chiếm tỷ lệ ………%

- Số phiếu phát ra: …………………….. phiếu

- Số phiếu thu về: ………………….….. phiếu

- Số phiếu hợp lệ: …………………….. phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: ……………..phiếu

Kết quả biểu quyết như sau:

(1) ..............................................................................................

(2)........................................................................................................

**3. Đối với hình thức biểu quyết trực tuyến**

- Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố ...........................................

- Tổng số đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố biểu quyết đồng ý lựa chọn hình thức biểu quyết trực tuyến (đạt tỷ lệ ….%) so với tổng số đại diện hộ gia đình tham gia lựa chọn hình thức biểu quyết trực tuyến.

- Số hộ gia đình có đại diện tham gia biểu quyết trực tuyến: …………., chiếm tỷ lệ ………%

- Số hộ gia đình không có đại diện tham gia biểu quyết trực tuyến: ……., chiếm tỷ lệ …….%

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

(1)..............................................................................................

(2).............................................................................................................

**V. Kết luận cuộc họp**

Các nội dung cộng đồng dân cư quyết định..........................................

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ….. ngày .... tháng …. năm ……, Nghị quyết/Biên bản cuộc họp/Bản ghi nhớ/Bản thỏa thuận cuộc họp của cộng đồng dân cư được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **CHỦ TRÌ CUỘC HỌP** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ/PHƯỜNG.... **THÔN, TỔ DÂN PHỐ .... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *..., ngày … tháng … năm …* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**

**Về việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình về....**

Hôm nay, vào hồi …… giờ ….. phút, ngày ….. tháng …. năm ….. tại...., thôn, tổ dân phố...., Tổ phát phiếu tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố....

Nội dung phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình:............................................

Tổ phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) ………………………………………………… Tổ trưởng

2. Ông (bà) ………………………………………………… Thành viên

3. Ông (bà) ………………………………………………… Thành viên

...................................................................................................................

Đại diện hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà)....................................................................................................

2. Ông, (bà).................................................................................................

- Thời gian phát phiếu:.............................................................................

- Thời hạn thu phiếu:...................................................................................

**Kết quả kiểm phiếu phiếu lấy ý kiến hộ gia đình như sau:**

- Tổng số hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố: ……………………………..

- Số hộ gia đình tham gia bỏ phiếu: ………………, chiếm tỷ lệ ………………….%

- Số hộ gia đình không tham gia bỏ phiếu: ………………, chiếm tỷ lệ …………….%

- Số phiếu phát ra: …………………. phiếu

- Số phiếu thu về: …………………. phiếu

- Số phiếu hợp lệ: …………………. phiếu

- Số phiếu không hợp lệ: …………………. phiếu

**Kết quả cụ thể**:

1. Số phiếu biểu quyết đồng ý: ……….. phiếu ………….. chiếm tỷ lệ ………%

2. Số phiếu biểu quyết không đồng ý: ……….. phiếu ………. chiếm tỷ lệ …….%

3. Các ý kiến khác (nếu có):...........................................................................

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **CÁC THÀNH VIÊN TỔ PHÁT PHIẾU** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| **ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CHỨNG KIẾN** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | |

**Mẫu số 05**

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC .......................................... **BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN .................................... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *..., ngày … tháng … năm …* |

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP**

**Dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố  
(Nhiệm kỳ...)**

Hôm nay, vào hồi …. giờ …. phút,....ngày … tháng ….. năm ….., tại ... thôn, tổ dân phố...., Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố ... tiến hành cuộc họp dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để đưa ra cuộc họp của cộng đồng dân cư bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ...

**1. Thành phần cuộc họp**

- Chủ trì: Ông (bà) …………………………. Chức vụ:…………………..

- Thành phần tham dự:....................................................................................

- Số người có mặt: ……… người, vắng ………… có lý do.

**2. Nội dung cuộc họp**

- Ông (bà) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố ….. công bố danh sách những người được Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố …… và đại diện hộ gia đình giới thiệu, người tự ứng cử (nếu có) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ...

- Căn cứ tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và điều kiện ứng cử theo quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố ……; cuộc họp thảo luận, nhận xét và ấn định danh sách dự kiến những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố …….. để hộ gia đình của thôn, tổ dân phố ….. bầu (có danh sách trích ngang kèm theo).

1. Ông (bà).............................................................................................

2. Ông (bà)...................................................................................................

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ ngày .... tháng ….năm ….., nội dung cuộc họp đã được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**THƯ KÝ CHỦ TRÌ**

*(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI - CHÍNH PHỦ - ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN | *Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2017* |

**NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH**

QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC HÌNH THỨC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Điều 27 và Điều 34 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13;*

*Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Điều 2. Căn cứ tổ chức giám sát, phản biện xã hội**

1. Căn cứ tổ chức giám sát:

a) Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

b) Chương trình phối hợp giám sát giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan nhà nước cùng cấp;

c) Kiến nghị của tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

d) Đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp nhận;

đ) Thông tin phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Căn cứ tổ chức phản biện xã hội:

a) Chương trình phối hợp và thống nhất hành động hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp;

b) Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hằng năm; dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án (sau đây gọi chung là dự thảo văn bản) của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, hội viên, đoàn viên của các tổ chức thành viên, quyền và trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

c) Kiến nghị của tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

d) Đề nghị của cơ quan nhà nước cùng cấp có dự thảo văn bản.

**Điều 3. Xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội**

1. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này, hằng năm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp lựa chọn những vấn đề mà Nhân dân quan tâm, bức xúc và xác định các hình thức giám sát, phản biện xã hội phù hợp để xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội.

2. Nội dung giám sát, phản biện xã hội có liên quan đến quyền và trách nhiệm của các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mời đại diện lãnh đạo các tổ chức này tham gia xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện xã hội.

3. Quý IV hằng năm, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ; kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp; kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã được xây dựng và ban hành cho năm sau trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện.

4. Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội phải xác định nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành, đối tượng được giám sát, phản biện xã hội.

5. Kế hoạch giám sát, phản biện xã hội có thể được điều chỉnh, bổ sung về nội dung, lĩnh vực, địa bàn và thời gian thực hiện phù hợp với yêu cầu, tình hình thực tế hoặc khi có vấn đề phát sinh đột xuất và trên cơ sở trao đổi, thống nhất với các bên.

6. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 25 và khoản 3 Điều 32 của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13.

**Chương II**

**HÌNH THỨC GIÁM SÁT**

**Mục 1. NGHIÊN CỨU, XEM XÉT VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP, CHÍNH ĐÁNG CỦA NHÂN DÂN**

**Điều 4. Văn bản được nghiên cứu, xem xét**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì hoặc đề nghị tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp chủ trì việc nghiên cứu, xem xét các loại văn bản thực hiện chính sách, pháp luật của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

**Điều 5. Trình tự nghiên cứu, xem xét văn bản**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ trì việc nghiên cứu, xem xét văn bản của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp cần thiết, tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trình bày ý kiến nghiên cứu về văn bản;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến;

c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến;

d) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chủ trì hội nghị kết luận.

3. Việc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia, nhà khoa học được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội gửi văn bản được giám sát đến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung của văn bản được giám sát;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tập hợp, tổng hợp ý kiến đóng góp và xây dựng văn bản kiến nghị đối với nội dung của văn bản được giám sát.

**Mục 2. TỔ CHỨC ĐOÀN GIÁM SÁT**

**Điều 6. Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn giám sát của cấp mình; tổ chức chính trị - xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch tổ chức đoàn giám sát theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát gồm các nội dung sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu giám sát;

b) Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát;

c) Thành phần đoàn giám sát;

d) Thời gian, địa điểm giám sát;

đ) Phân công trách nhiệm thành viên đoàn giám sát;

e) Các điều kiện bảo đảm.

3. Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát.

**Điều 7. Ban hành, thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát**

1. Căn cứ kế hoạch tổ chức đoàn giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát.

2. Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức nghiên cứu, thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát để nghiên cứu.

3. Kế hoạch giám sát, quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát chậm nhất là 15 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức đó.

Chậm nhất là 07 ngày trước ngày đoàn giám sát làm việc, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát phải gửi báo cáo, tài liệu có liên quan đến đoàn giám sát.

**Điều 8. Trình tự giám sát**

1. Đoàn giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát theo trình tự sau đây:

a) Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát;

b) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo về những nội dung theo yêu cầu của đoàn giám sát;

c) Các thành viên đoàn giám sát phát biểu ý kiến và có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát;

d) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có);

đ) Trưởng đoàn giám sát kết luận.

2. Khi cần thiết, đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan; người đứng đầu cơ quan, tổ chức này có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 9. Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát**

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, Trưởng đoàn giám sát có báo cáo kết quả giám sát gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát.

2. Khi cần thiết, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát tổ chức hội nghị, hội thảo để xem xét báo cáo của đoàn giám sát.

3. Căn cứ kết quả giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội chủ trì giám sát kết luận về nội dung giám sát và có văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp trên trực tiếp.

**Mục 3. GIÁM SÁT THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG**

**Điều 10. Giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hướng dẫn tổ chức, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã lập kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án hằng năm trên địa bàn và thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án.

3. Nội dung giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo Luật Thanh tra số 56/2010/QH12, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13.

**Điều 11. Tổ chức giám sát thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng**

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức giám sát thông qua Ban Thanh tra nhân dân:

a) Chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát. Chương trình, kế hoạch giám sát của Ban Thanh tra nhân dân được công khai trên hệ thống truyền thông hoặc niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về kế hoạch giám sát; gửi kiến nghị đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát.

Trường hợp kiến nghị không được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ban Thanh tra nhân dân kiến nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xem xét, kiến nghị đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết;

c) Định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; xác nhận văn bản phản ánh, biên bản, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân trước khi gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; xem xét, giải quyết và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân;

d) Động viên Nhân dân địa phương ủng hộ, phối hợp, tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức giám sát thông qua Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng:

a) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng đối với chương trình, dự án trên địa bàn trên cơ sở trao đổi, thống nhất với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp;

b) Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

c) Hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc cung cấp thông tin, lập và gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng cho cơ quan, tổ chức có liên quan khi cần thiết;

d) Xem xét, giải quyết và đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Động viên Nhân dân địa phương ủng hộ, phối hợp, tham gia hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

**Mục 4. THAM GIA GIÁM SÁT VỚI CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ THẨM QUYỀN**

**Điều 12. Tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

1. Khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia giám sát, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cử đại diện tham gia.

2. Trong quá trình tham gia giám sát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung giám sát; nghiên cứu báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, nêu ý kiến về nội dung giám sát và tham gia xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

**Điều 13. Kiến nghị khi tham gia giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

1. Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm đề nghị đoàn giám sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc chưa phù hợp với chính sách, pháp luật mà cơ quan chủ trì giám sát không kiến nghị thì đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được cử tham gia đoàn giám sát có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình để xem xét, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

…

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ**

1. Phối hợp với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Phối hợp trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Xem xét, trả lời kiến nghị từ kết quả giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

1. Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội.

**Điều 22. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát, phản biện xã hội.

2. Chủ trì thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đề nghị; báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

3. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức**

1. Tạo điều kiện, thực hiện các yêu cầu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình giám sát, phản biện xã hội.

2. Xem xét, trả lời kiến nghị từ kết quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật.

**Điều 24. Kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội**

Kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội hằng năm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM CHỦ TỊCH     Nguyễn Thiện Nhân** | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG       Nguyễn Xuân Phúc** | **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CHỦ TỊCH      Nguyễn Thị Kim Ngân** |

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  **BAN THƯỜNG TRỰC**  Số: **10**/TT-MTTW-BTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020* |

**THÔNG TRI**

**Hướng dẫn giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ**

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội *(ban hành theo* *Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị);* Quy định về việc MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền” *(ban hành theo Quyết định số 218-QĐ/TW 12/12/2013 của Bộ Chính trị),* Luật MTTQ Việt Nam năm 2015 và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đại biểu dân cử và công tác cán bộ của MTTQ Việt Nam;

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam ban hành Thông tri hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ như sau:

**I. GIÁM SÁT CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN**

**1. Đối tượng và phạm vi giám sát**

Thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đại biểu dân cử (sau đây gọi chung là cán bộ, đảng viên) tại nơi cư trú và nơi làm việc.

**2. Nội dung giám sát**

***2.1. Việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên***

Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; tự phê bình và phê bình; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; kỷ luật nghiêm minh, tự giác; đoàn kết, thống nhất. Các biểu hiện, hành vi tham nhũng, lãng phí, chi tiêu công quỹ sai quy định; dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chạy chức quyền, chạy chỗ, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy danh hiệu, chạy kỷ luật, chạy tội; đánh bạc, rượu chè bê tha, mê tín dị đoan; sa vào các tệ nạn xã hội, vi phạm thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức gia đình và xã hội; bệnh “thành tích”, chạy “thành tích”; quan liêu, xa rời quần chúng, thờ ơ, vô cảm, cục bộ, bè phái, cá nhân chủ nghĩa, sống ích kỷ, thực dụng, vụ lợi, lo vun vén cá nhân, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc, đòi hỏi chính đáng của Nhân dân.

***2.2. Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên***

Thực hiện theo các quy định của Đảng (Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 08-QĐi/TW ngày 25/10/2018 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương; Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai tài sản và kiểm soát việc kê khai tài sản…), trong đó, tập trung vào một số nội dung sau:

- Bản thân và gia đình (cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con) gương mẫu trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ của đoàn thể, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hiện quy ước, hương ước của khu dân cư, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, tổ chức giỗ, tết, sinh nhật; tránh lãng phí, xa hoa, gây phản cảm trong xã hội.

- Gương mẫu thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; khiêm tốn, trung thực, dũng cảm; chống phô trương hình thức; chống tham nhũng, lãng phí, “tư duy nhiệm kỳ”, “lợi ích nhóm”, dối trá, hối lộ, bê tha, trụy lạc, nói không đi đôi với làm, chạy theo danh vọng, địa vị, tư lợi cá nhân, tha hóa quyền lực.

- Gương mẫu, trung thực trong kê khai lý lịch, bằng cấp, tài sản (nhà đất, thu nhập, vốn góp…); động viên ông, bà, cha, mẹ, vợ hoặc chồng, anh, chị, em và giáo dục con cháu giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; không xa hoa, không vi phạm pháp luật; không để người thân lợi dụng vị trí công tác, quyền hạn của mình để trục lợi.

- Nêu gương trong việc thực hiện các quy định khi đi công tác tại các cơ quan, cơ sở trong và ngoài nước.

***2.3. Đạo đức, văn hóa công vụ, trách nhiệm thực thi công vụ***

- Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt trong việc ban hành tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, quy trình, quy chế công tác; phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội; thực hiện công tác vận động quần chúng; việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng văn hóa công sở, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Việc chấp hành và thực hiện các quy định của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, tập trung vào các nội dung: cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện nghĩa vụ đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân, nghĩa vụ trong thi hành công vụ, nghĩa vụ là người đứng đầu; phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ và không được trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật; lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn để vụ lợi; tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước.

***2.4. Về việc giữ mối liên hệ với Nhân dân***

- Các nội dung tại Điều 2 Quy định số 213-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị khoá XII về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

- Đối với những người đứng đầu cấp ủy: giám sát việc thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/2/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và phản ánh kiến nghị của Nhân dân.

**3. Hình thức giám sát**

-Thông qua quá trình tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, đảng viên; qua các hoạt động của MTTQ, đoàn thể, hội nghị, diễn đàn, tiếp xúc, trao đổi, đối thoại, phiếu khảo sát, qua hòm thư góp ý…

-Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, kiến nghị của các tổ chức; khiếu nại, tố cáo, phản ánh của cá nhân, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; qua phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

-Thông qua hoạt động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn và Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước.

- Thành lập đoàn giám sát của Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội.

**4. Phương pháp tiến hành**

**4.1. Phương pháp tiến hành chung**

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện giám sát thường xuyên. Đồng thời, khi nhận được thông tin phản ánh hoặc phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc cấp ủy đảng cùng cấp quản lý có dấu hiệu, hành vi vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì chủ động trao đổi với cơ quan kiểm tra, thanh tra cùng cấp, triển khai hoạt động giám sát cán bộ, đảng viên theo Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN; gửi kiến nghị sau giám sát đến cấp ủy, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên (trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống thì báo cáo, phản ánh với cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên).

**4.2. Đối với cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú**

*\* Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã*

Thực hiện giám sát như đã nêu tại mục 4.1, tuy nhiên, chỉ triển khai giám sát đối với cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú và chỉ thành lập đoàn giám sát khi xét thấy cần thiết. Nhiệm vụ trọng tâm là:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú.

-Phân công, chỉ đạo, hướng dẫn Ban Công tác Mặt trận các khu dân cư, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện giám sát cán bộ, đảng viên sinh hoạt tại nơi cư trú trên cơ sở danh sách cán bộ, đảng viên sinh hoạt tại nơi cư trú theo từng địa bàn dân cư (*Danh sách cần ghi rõ người đứng đầu cấp ủy, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên*).

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ban Công tác Mặt trận ở các khu dân cư phối hợp với Chi ủy trong đánh giá, nhận xét đối với cán bộ, đảng viên tại nơi cư trú.

- Ban hành báo cáo giám sát, trong đó nêu rõ các đề xuất, kiến nghị, phản ánh với cấp ủy cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện.

-Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm và báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi được yêu cầu với cấp ủy cùng cấp và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện.

*\* Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư*

- Căn cứ số lượng, danh sách cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú để phối hợp với chi đoàn, chi hội các đoàn thể chính trị - xã hội phân công các thành viên giám sát đối với từng cán bộ, đảng viên sinh hoạt nơi cư trú.

-Tổng hợp kết quả giám sát, báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu của chi bộ khu dân cư và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

- Phối hợp với chi ủy nhận xét cán bộ, đảng viên sinh hoạt tại nơi cư trú theo định kỳ và khi có đề nghị, yêu cầu thực hiện liên quan đến hồ sơ về công tác cán bộ, đảng viên.

*\* Ban Thanh tra nhân dân*

Căn cứ vào chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã để tổ chức các hoạt động giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú đối với các nội dung nêu trên theo quy định của pháp luật về Thanh tra nhân dân.

*\* Nhân dân*

Thực hiện quyền giám sát bằng cách theo dõi, phát hiện, phản ảnh, kiến nghị đến cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và cơ quan có thẩm quyền theo những nội dung và biểu hiện có liên quan quy định tại mục I.2 văn bản này *(nội dung giám sát)* thông qua phản ánh trực tiếp, bằng văn bản, hòm thư góp ý, thư điện tử…

**4.3. Đối với cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc**

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam phối hợp và đề nghị công đoàn cùng cấp chủ trì, xây dựng kế hoạch, hướng dẫn công đoàn các cơ quan, đơn vị triển khai giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên tại nơi làm việc thông qua phương pháp giám sát trực tiếp hoặc gián tiếp (tổ chức công đoàn định hướng nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp: công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, công đoàn cơ sở và công đoàn bộ phận, tổ công đoàn).

Tổ chức MTTQ Việt Nam các cấp phối hợp cùng tổ chức công đoàn cùng cấp theo dõi, nắm bắt, trao đổi thông tin, các ý kiến góp ý, phản ánh và tổng hợp tình hình liên quan, báo cáo cấp ủy cùng cấp, Ủy ban MTTQ Việt Nam, tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp (định kỳ 06 tháng, 1 năm hoặc đột xuất).

**II. GIÁM SÁT CÔNG TÁC CÁN BỘ**

**1. Đối tượng và phạm vi giám sát**

Tập thể cấp ủy các cấp, các tổ chức cơ sở Đảng, các cơ quan, đơn vị; trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, tổ chức về công tác cán bộ thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý trở xuống (đối tượng cấp ủy quản lý thực hiện theo Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và các quy định về phân cấp, quản lý cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương).

**2. Nội dung giám sát**

***2.1. Giám sát việc thực hiện các quy định về công tác cán bộ***

- Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định về xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Giám sát việc công khai và thực hiện quy trình các khâu trong quản lý cán bộ:

***+*** Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động, luân chuyển cán bộ và phân cấp quản lý cán bộ.

+ Đánh giá cán bộ.

***+*** Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

***+*** Bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; miễn nhiệm cán bộ.

***+*** Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

***+*** Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

***+*** Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác cán bộ và cán bộ.

- Giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục và hồ sơ nhân sự lãnh đạo của từng cấp theo quy định; việc cung cấp, trao đổi thông tin và giải trình khi có yêu cầu; trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong công tác cán bộ.

Căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp lựa chọn các khâu để giám sát cho phù hợp với từng thời điểm cụ thể; thường xuyên, đột xuất, định kỳ tổng hợp*,* phản ánh ý kiến của Nhân dân, người uy tín tiêu biểu về công tác cán bộ đến cấp ủy, chính quyền, nhất là việc xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp (người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền).

***2.2. Giám sát việc thực hiện các quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền theo Quy định số 205- QĐ/TW của Bộ Chính trị***

- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chứcchính trị - xã hội các cấpthực hiện việc theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện quy định về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, chống chạy chức, chạy quyền; lắng nghe ý kiến Nhân dân; phản ánh, cung cấp thông tin với cấp ủy, chính quyền những trường hợp cán bộ thiếu tiêu chuẩn, không trung thực, biểu hiện lợi dụng công tác cán bộ, vi phạm nguyên tắc, quy định, có các biểu hiện tiêu cực, hành vi chạy chức, chạy quyền, bao che, tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền.

- Giám sát việc thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát của cấp có thẩm quyền đối với cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ; giám sát việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ.

***2.3***. ***Giám sát việc thực hiện trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân thực hiện góp ý, giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ***

- Giám sát công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội *(Ban hành kèm theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị)* và Quy định về việc MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền *(Ban hành kèm theo Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị)*;

- Giám sát việc thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 03/10/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ban hành *“Hướng dẫn khung để các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”;* Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/2/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *“Giám sát của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*” và các quy định liên quan đến việc thực hiện góp ý, giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dântại địa phương.

**3. Hình thức giám sát**

- Thông qua quá trình tìm hiểu, theo dõi việc thực hiện quy trình về công tác cán bộ, việc kiểm điểm, đánh giá, góp ý, nhận xét định kỳ, nhiệm kỳ của đối tượng giám sát.

- Thông qua tiếp nhận thông tin báo cáo, phản ảnh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng, ý kiến của các cá nhân uy tín tiêu biểu từ khu dân cư.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện các hình thức góp ý, góp ý trực tiếp cho cán bộ để cán bộ tự soi, tự nhận trách nhiệm, tự sửa. Nếu cán bộ không tự soi, tự sửa, tự khắc phục thì phản ánh với cấp ủy cùng cấp và báo cáo với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp trên.

**4. Phương pháp tiến hành**

**-** Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện và cấp tỉnh phối hợp và đề nghị công đoàn cùng cấp chủ trì xây dựng kế hoạch, hướng dẫn công đoàn các cơ quan, đơn vị giám sát thường xuyên đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ tại các cơ quan, đơn vị.

**-** Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện và cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với công đoàn cùng cấp tổ chức đoàn giám sát khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có yêu cầu. Quy trình thực hiện giám sát theo đoàn được thực hiện theo Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21/7/2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam*.* Trong đó, chú ý các nội dung:

+ Ban hành Quyết định thành lập Đoàn giám sát (MTTQ Việt Nam chủ trì, đại diện lãnh đạo là Trưởng Đoàn, thành viên là thư ký; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội và mời đại diện cơ quan Kiểm tra, Tổ chức, Nội chính của Đảng, cơ quan Nội vụ cùng cấp ở địa phương là thành viên).

+ Ban hành đề cương nội dung giám sát gửi cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, cá nhân được giám sát (nội dung giám sát như đã nêu ở mục II.2) để chuẩn bị báo cáo.

+ Thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin liên quan; nghiên cứu, đối chiếu, so sánh với báo cáo mà đối tượng được giám sát đã cung cấp cho đoàn giám sát.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Trung ương các tổ chứcchính trị - xã hội và các cơ quan liên quan giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ ở Trung ương và các tỉnh, thành phố theo quy định; hướng dẫn Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố triển khai giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ ở địa phương.

**2.** Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các địa phương xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy cùng cấp và các cấp dưới.

**3.** Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ, ban hành hướng dẫn đối với công đoàn các cấp giám sát cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc và thực hiện giám sát thường xuyên đối với các tập thể, cá nhân liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ tại các cơ quan, đơn vị.

**4.** Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương thực hiện giám sát theo Chương trình phối hợp số 30/CTPH-MTTW-TCTV ngày 30/10/2018 giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về phối hợp giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; hướng dẫn tổ chức chính trị - xã hội các cấp triển khai giám sát.

**5.** Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện. Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), 01 năm (trước ngày 15/12) tổng hợp kết quả, gửi về Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để tổng hợp kết quả chung. Trong quá trình thực hiện Thông tri này, nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, báo cáo với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để kịp thời hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - UBTV Quốc hội; Chính phủ;  - Các ban xây dựng Đảng; Văn phòng TW Đảng;  Bộ, ngành Trung ương;  - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;  - Các vị Ủy viên, tổ chức thành viên MTTQ VN;  các vị trong các HĐTV;  - Các tỉnh, thành ủy;  - Ủy ban MTTQ các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Các ban, đơn vị trong cơ quan;  - Lưu VT, DCPL. | TM. BAN THƯỜNG TRỰC  **CHỦ TỊCH**  *(đã ký)*  **Trần Thanh Mẫn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 337/2016/TT-BTC | *Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016* |

**THÔNG TƯ**

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

*Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và địa phương.

**Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể:

a) Kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương do ngân sách Trung ương bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

b) Kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương.

2. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**Điều 4. Nội dung chi cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội**

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát những vấn đề có liên quan phục vụ hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

2. Chi tổ chức các Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết, tổ chức tọa đàm, hội thảo về công tác giám sát, phản biện xã hội.

3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập trong trường hợp nội dung giám sát, phản biện xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn phức tạp.

4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội.

5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội, văn bản kiến nghị.

6. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

**Điều 5. Mức chi**

Mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước. Thông tư này quy định cụ thể một số mức chi như sau:

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát: Thanh toán công tác phí, tiền thuê chỗ ở nơi công tác, phương tiện phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi tổ chức hội nghị:

a) Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo, ngoài các khoản chi theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC được chi một số khoản sau:

- Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/cuộc họp.

- Thành viên tham dự cuộc họp: 100.000 đồng/người/cuộc họp.

- Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: 500.000 đồng/bài viết.

3. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập:

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 05 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Mức chi: 1.000.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

4. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC: thành viên chính thức của đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/ngày; các thành viên khác: 70.000 đồng/người/ngày.

5. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị: 2.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

6. Các khoản chi khác: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 6. Lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí giám sát, phản biện xã hội**

Việc lập, phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí giám sát, phản biện xã hội thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư này quy định một số điểm cụ thể như sau:

1. Lập dự toán:

a) Đối với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức - chính trị - xã hội Trung ương:

Căn cứ chương trình hoạt động giám sát, phản biện xã hội năm kế hoạch, chế độ chi tiêu hiện hành và quy định tại Thông tư này, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động công tác giám sát, phản biện xã hội và tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan đơn vị gửi Bộ Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp ở địa phương:

Căn cứ chương trình hoạt động giám sát, phản biện xã hội năm kế hoạch, chế độ chi tiêu hiện hành và quy định tại Thông tư này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội và tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp để thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí giám sát, phản biện xã hội:

Dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội được giao trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

Căn cứ số kinh phí được giao, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội.

3. Việc quyết toán kinh phí giám sát, phản biện xã hội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư là mức chi tối đa làm căn cứ để Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương lập dự toán chi hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương quy định mức chi cụ thể để thực hiện chi tiêu cho phù hợp trong phạm vi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao.

2. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 5 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Trường hợp Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa ban hành văn bản quy định mức chi cụ thể thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội quyết định mức chi nhưng không vượt quá mức chi tối đa được quy định tại Điều 5 Thông tư này, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao.

**Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội; - Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; - Cổng TTĐT Chính phủ; - Cổng TTĐT Bộ Tài chính; - Các đơn vị thuộc BTC; - Lưu: VT, HCSN (400b). | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Trần Xuân Hà** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 63/2017/TT-BTC | *Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2017* |

**THÔNG TƯ**

QUY ĐỊNH VỀ LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

*Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số*[*159/2016/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-159-2016-nd-cp-huong-dan-luat-thanh-tra-ve-to-chuc-va-hoat-dong-cua-ban-thanh-tra-nhan-dan-332521.aspx)*ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số*[*215/2013/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-215-2013-nd-cp-chuc-nang-quyen-han-co-cau-to-chuc-bo-tai-chinh-217183.aspx)*ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ban Thanh tra nhân dân cấp xã).

2. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước.

**Điều 3. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và nguồn kinh phí bảo đảm**

1. Đối với Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã do ngân sách địa phương bảo đảm. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, mức tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm và cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động.

2. Đối với Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân do Thủ trưởng cơ quan nhà nước quyết định, bố trí trong phạm vi dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

3. Đối với Ban Thanh tra nhân dân ở đơn vị sự nghiệp công lập: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp quyết định, bố trí trong phạm vi nguồn tài chính của đơn vị, bao gồm dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, nguồn thu của đơn vị và số thu được để lại (nếu có).

4. Đối với Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân do Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp bố trí theo khả năng tài chính và được hạch toán vào các khoản chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện

**Điều 4. Nội dung chi hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân**

1. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị.

2. Chi công tác phí phục vụ các cuộc giám sát, xác minh.

3. Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, giám sát, xác minh vụ việc theo kế hoạch công tác được duyệt.

4. Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị (nếu có).

5. Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm.

6. Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Mức chi và thẩm quyền quyết định mức chi**

1. Mức chi bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, gồm:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; chi công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số [40/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-40-2017-tt-btc-cong-tac-phi-chi-hoi-nghi-doi-voi-co-quan-nha-nuoc-su-nghiep-cong-lap-327960.aspx) ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số mức chi như sau: Chi bồi dưỡng báo cáo viên trong hội họp; chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch công tác được duyệt hoặc trong hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

b) Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm, các khoản chi khác: Theo thực tế phát sinh, theo hóa đơn thực tế và trong phạm vi kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được giao, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và tiết kiệm, hiệu quả.

2. Thẩm quyền quyết định mức chi:

a) Đối với Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: Trong phạm vi kinh phí được hỗ trợ cho Ban thanh tra nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét duyệt mức chi cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đối với Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định mức chi phù hợp với khả năng tài chính của cơ quan, đơn vị và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

**Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí hoạt động của của Ban Thanh tra nhân dân**

Việc lập dự toán kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Thông tư này quy định thêm một số điểm cụ thể như sau:

1. Đối với kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã:

a) Lập, chấp hành dự toán:

Hàng năm, căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động và chế độ, chi tiêu tài chính hiện hành, Ban Thanh tra nhân dân cấp xã lập dự toán chi bảo đảm cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, cân đối kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo khả năng ngân sách của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

b) Quyết toán:

Ban Thanh tra nhân dân cấp xã có trách nhiệm quyết toán kinh phí hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp vào báo cáo quyết toán chi của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định hiện hành.

2. Đối với kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước:

a) Lập, chấp hành dự toán:

Hàng năm, căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; Ban Thanh tra nhân dân trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước lập dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động, gửi bộ phận quản lý tài chính để tổng hợp trong dự toán chi của cơ quan, đơn vị, trình cấp có thẩm quyền quyết định, cụ thể:

- Đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, doanh nghiệp nhà nước: Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được tổng hợp trong dự toán thu, chi ngân sách của đơn vị sự nghiệp hoặc kế hoạch thu chi tài chính của doanh nghiệp, trình Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

b) Quyết toán:

- Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm quyết toán kinh phí sử dụng với bộ phận quản lý tài chính của đơn vị mình để tổng hợp chung trong quyết toán thu, chi hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được hạch toán và quyết toán vào chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2017.

2. Thông tư Liên tịch số [40/2006/TTLT-BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-lien-tich-40-2006-ttlt-btc-bttubtwmttqvn-tldldvn-huong-dan-kinh-phi-bao-dam-hoat-dong-cua-ban-thanh-tra-nhan-dan-12043.aspx) ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân hết hiệu lực kể từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ảnh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho kịp thời và phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Sở TC, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp; - Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ Tài chính; - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; - Lưu: VT, HCSN (400b). | **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG     Trần Xuân Hà** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 04/2019/NQ-HĐND | *Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2019* |

**NGHỊ QUYẾT**

QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày 09 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2, Điều 7 Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;*

*Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 26/BC-HĐND-VHXH ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các cơ quan, đơn vị liên quan.

**Điều 2. Nội dung và mức chi**

1. Chi công tác phí cho các đoàn công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khảo sát và chi tổ chức hội nghị

a) Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Đối với hội nghị đối thoại, tọa đàm, hội thảo ngoài các khoản chi theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh được chi một số khoản sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức chi (đồng)** | | |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Chủ trì cuộc họp (người/cuộc họp) | 150.000 | 100.000 | 80.000 |
| 2 | Thành viên tham dự cuộc họp (người/cuộc họp) | 100.000 | 80.000 | 50.000 |
| 3 | Chi báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng (bài viết) | 400.000 | 300.000 | 200.000 |

2. Chi thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập

Trường hợp thực hiện hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nội dung phức tạp, thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu, cần lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh quyết định việc thuê chuyên gia thẩm định, chuyên gia tư vấn độc lập nhưng phải có hợp đồng công việc, có sản phẩm chất lượng được thủ trưởng đơn vị phê duyệt, số lượng chuyên gia do cơ quan chủ trì quyết định, nhưng tối đa không quá 03 chuyên gia cho nội dung cần thẩm định hoặc tư vấn trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội. Mức chi đối với cấp tỉnh là 800.000 đồng/báo cáo kết quả thẩm định hoặc tư vấn.

3. Chi bồi dưỡng thành viên tham gia đoàn giám sát, phản biện xã hội ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức chi/người/ngày**  **(đồng)** | | |
| **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | Thành viên chính thức tham gia đoàn | 100.000 | 80.000 | 50.000 |
| 2 | Các thành viên khác | 70.000 | 50.000 | 30.000 |

4. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội (báo cáo theo định kỳ, báo cáo kết quả giám sát, phản biện xã hội theo chuyên đề được giao); văn bản kiến nghị

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý);

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý);

c) Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

5. Các khoản chi khác: Trong phạm vi kinh phí phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội được cơ quan có thẩm quyền giao, căn cứ tình hình thực tế triển khai công việc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định việc chi tiêu cho các nội dung công việc thực tế phát sinh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Nguồn kinh phí: Do ngân sách nhà nước đảm bảo và thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

7. Việc lập, phân bổ, giao dự toán và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động giám sát, phản biện xã hội thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 337/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 3.**Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2019./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ; - VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Ủy ban Trung ương MTTQVN; - TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh; - Các Ban của HĐND tỉnh; - Các đại biểu HĐND tỉnh; - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; - HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Trung tâm Tin học - Công báo; - LĐVP, Phòng Tổng hợp; - Lưu: VT. | | **CHỦ TỊCH**  **Trần Tuệ Hiền** |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** | | |
| Số: 05 /2019/NQ-HĐND | *Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2019* | | |

**NGHỊ QUYẾT**

QUY ĐỊNH MỨC KINH PHÍ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Nghị quyết này quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn

**Điều 2.**Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã và nguồn kinh phí

1. Mức hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã: **tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm.**

2. Nguồn kinh phí: Cân đối trong dự toán chi ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

**Điều 3.**Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2019./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ; - Văn phòng QH, Văn phòng CP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB); - TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh; - Các Ban của HĐND tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; - HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố; - HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn; - Trung tâm Tin học – Công báo; - LĐVP, Phòng Tổng hợp; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Trần Tuệ Hiền** |

*Mẫu số 01/KH- MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM**  **…………………………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-MTTQ-BTT | *……….., ngày tháng năm 202..* |

**KẾ HOẠCH**

**Giám sát và phản biện xã hội năm ……...**

Thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Trên cơ sở đề xuất và trao đổi thống nhất với Thường trực HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội xã …..và các cơ quan tổ chức đơn vị có liên quan. Ban Thường trực UBMTTQVN ……… xây dựng kế hoạch (chương trình) giám sát và phản biện xã hội năm …… như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

**-** Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị và các quy định của pháp luật về giám sát và phản biện xã hộimột cách đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả.

**-** Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân, cơ quan, tổ chức trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phát hiện những nhân tố mới, mô hình điển hình tốt trong việc thực hiện chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước ở địa phương; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Phát huy quyền làm chủ nhân dân trong việc tham gia vào quá trình xây dựng các quyết sách của địa phương có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Qua đó, góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các quyết sách trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận xã hội về nhận thức và thống nhất về hành động của các tầng lớp nhân dân trong tham gia xây dựng và phát triển địa phương.

**2. Yêu cầu**

**-** Quá trình thực hiện phải đảm bảo đúng theo Quy chế; Thông tri hướng dẫn của Ban Thường trực UBTWMTTQ Việt Nam.

**-** Phù hợp với thực tiễn; bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng; có sự phối hợp chặt chẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan.

**II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

**1. Nội dung do Ban Thường trực UBMTTQVN …. chủ trì tổ chức**

**1.1.** ***Giám sát chuyên đề về việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người đứng đầu; cán bộ, đảng viên*** ***và công tác cán bộ*** theo Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Thông tri số 10/TT-MTTW-BTT ngày 22/9/2020 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQVN.

- Hình thức giám sát: Tổ chức Đoàn giám sát trực tiếp. Khảo sát thực tế tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan.

*-* Đối tượng giám sát*:* Ban Thường vụ cấp ủy cấp ….

- Đơn vị phối hợp: Cấp ủy cùng cấp: Tổ chức, Nội chính, Ủy ban Kiểm tra, Nội vụ và Thanh tra ….

- Thời gian giám sát: Dự kiến trong quý II/20…..

**1.2**. Giám sát việc thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở

- Đối tượng giám sát: UBND xã….

- Đơn vị phối hợp: các tổ chức Chính trị - xã hội xã; Ủy viên UBMTTQVN xã; chuyên gia lĩnh vực…………….

- Hình thức, thời gian:

+ Xem xét báo cáo, tài liệu, văn bản liên quan; thời gian, thường xuyên trong cả năm (báo cáo 6 tháng và báo cáo 01 năm)

+ Thành lập Đoàn giám sát, thời gian giám sát dự kiến trong Quý …. năm 202….

**1.3.** Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 2 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Bình Phước *Quy định mức thu các khoản thu dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2024 - 2025*

- Đối tượng giám sát: Trường mầm non……

- Đơn vị phối hợp: Tài chính xã, các tổ chức chính trị .xã hội xã....

- Hình thức, thời gian: Thành lập Đoàn giám sát, thời gian giám sát dự kiến trong Quý …. năm 202….

**1.4.** Giám sátviệc giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh bức xúc của cử tri và nhân dân (giám sát thường xuyên định kỳ; thành lập đoàn giám sát khi có vụ việc kiến nghị, phản ánh bức xúc, có dấu hiệu vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân hoặc có ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy).

- Đối tượng giám sát: cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri.

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ tư vấn về Dân chủ và Pháp luật của UBMTTQVN tỉnh, một số cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.

- Hình thức, thời gian: Xem xét báo cáo, tài liệu, văn bản liên quan; thời gian, thường xuyên trong cả năm (báo cáo 6 tháng và báo cáo 01 năm)

**2. Hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân (cấp xã)**

(Dự kiến số cuộc giám sát; nội dung giám sát; số người tham dự; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện)

**3. Hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng (MTTQVN Cấp xã)**

(Dự kiến số chương trình dự án tổ chức giám sát đầu tư cộng đồng; nội dung giám sát; số người tham dự; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện)

**4. Nội dung do Hội Cựu chiến binh xã chủ trì tổ chức giám sát:**

- Nội dung giám sát:

- Đối tượng giám sát:

- Đơn vị phối hợp:

- Hình thức. Thời gian thực hiện:

**5. Nội dung do Hội Liên hiệp phụ nữ xã chủ trì tổ chức giám sát:**

- Nội dung giám sát:

- Đối tượng giám sát:

- Đơn vị phối hợp:

- Hình thức. Thời gian thực hiện:

**6. Nội dung do Hội Nông dân tỉnh chủ trì tổ chức giám sát:**

- Nội dung giám sát:

- Đối tượng giám sát:

- Đơn vị phối hợp:

- Hình thức. Thời gian thực hiện:

**7. Nội dung do xã Đoàn chủ trì tổ chức giám sát:**

- Nội dung giám sát:

- Đối tượng giám sát:

- Đơn vị phối hợp:

- Hình thức. Thời gian thực hiện:

….

**III. VỀ HOẠT ĐỘNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI**

**1. Đối tượng phản biện xã hội**

Văn bản dự thảo cấp xã; khi có yêu cầu của các cơ quan chủ trì soạn thảo (dự thảo Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định của Đảng ủy; dự thảo Đề án, Dự án, Nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Hội đồng nhân dân, UBND xã...)

**2. Chủ trì thực hiện**

Căn cứ vào yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức gửi đến, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hiệp thương với các tổ chức chính trị - xã hội thống nhất giao đơn vị chủ trì thực hiện, trên cơ sở đó xây dựng Kế hoạch phản biện xã hội.

**3. Hình thức phản biện xã hội**: Căn cứ yêu cầu, tình hình thực tế, điều kiện bảo đảm, tính chất, mức độ quan trọng của nội dung dự thảo cần phản biện xã hội, đơn vị chủ trì lựa chọn hình thức tổ chức phản biện xã hội được Quy định, hướng dẫn chi tiết tại Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “Hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”

**4. Nội dung phản biện xã hội**: khi tổ chức phản biện các văn bản dự thảo cần đánh giá được các nội dung trọng tâm sau:

- Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo.

- Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

- Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.

**5. Dự kiến số lượng văn bản PBXH trong năm 2021.**

**IV. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ**

**Chi phí một cuộc giám sát, PBXH cấp xã chi theo theo Nghị quyết Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND tỉnh; các văn bản hướng dẫn về kinh phí hoạt động của Ban TTND, Ban GSĐCCĐ. Có thể làm dự toán riêng kèm theo kế hoạch (đối với cấp xã nghiên cứu *mẫu số 02* kèm theo Kh HD này để thực hiện**

**IV. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy về Chương trình giám sát và phản biện xã hội năm 2021. Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

**2.** Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện, chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp thực hiện. Các cơ quan tổ chức, đơn vị liên quan, chủ động phối hợp thực hiện.

**3.** Thực hiệt tốt việc theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát và phản biện xã hội; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhất là UBND cùng cấp xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

**4.** Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả việc thực hiện báo cáo với Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp trên; thông báo với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

**5.** Kinh phí thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND, ngày 05/7/2019, quy định nội dung và mức chi đảm bảo hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Trên đây là chương trình giám sát và hoạt động phản biện xã hội năm 2021 của Ủy ban MTTQVN xã…… . Đề nghị các tổ chức thành viên, các vị Ủy viên UBMTTQVN tỉnh các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tham gia và phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận: TM. ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH**

- BTT. UBTWMTTQVN huyện….;

- Thường trực Đảng ủy;

- TT. HDND; UBND xã;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã;

- Ban TT. UBMTTQVN xã;

- Ban CTMT của xã;

- Lưu MT xã.

*Mẫu số 02/DT- MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM**  **…………………………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /DTKP-MTTQ-BTT | *……….., ngày tháng năm …………….* |

**DỰ TOÁN**

**Kinh phí hoạt động của UBMTTQVN………………….**

***(Kèm theo Kế hoạch (Chương trình) Giám sát, PBXH năm….)***

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Thực hiện Nghị định 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ *quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư*.

Thực hiện Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 (*Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn*; *ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh*; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 *Quy định mức chi hỗ trợ Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* của UBMTTQVN cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 *Quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN và các tổ chức Chính trị – xã hội trên địa bàn tỉnh;* Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 *Quy định về định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.*

Thực hiện (một số nhiệm vụ phát sinh khác do cấp ủy giao hoặc có sự phối hợp thống nhất với chính quyền cấp xã như Đại hội MTTQVN cấp xã….)

Ban Thường trực UBMTTQVN xã………… xây dựng dự toán kinh phí hoạt động năm …..như sau:

**I. Kinh phí hoạt động theo Điều 18 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND** **ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh:**

(Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Cấp xã loại I: 25 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 22 triệu đồng/năm.)

1. Chi văn phòng phẩm
2. Chi thông tin, liên lạc
3. Chi công tác phí
4. Chi các hội nghị trong năm
5. ….

**II. Kinh phí chi theo Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 Quy định mức chi hỗ trợ Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”1. Nội dung do Ban Thường trực UBMTTQVN xã chủ trì tổ chức**

***1. Chi đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã***

a) Đối với các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020: 25 triệu đồng/xã/năm;

b) Đối với các xã thuộc vùng còn lại: 20 triệu đồng/xã/năm.

***2. Chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động và các phong trào được phát động ở địa phương:***

a) Khu dân cư có quy mô dân số dưới 300 hộ: 05 triệu đồng/khu dân cư/năm;

b) Khu dân cư có quy mô dân số từ 300 hộ đến dưới 500 hộ: 06 triệu đồng/khu dân cư/năm;

c) Khu dân cư có quy mô dân số từ 500 hộ đến dưới 700 hộ: 07 triệu đồng/khu dân cư/năm;

d) Khu dân cư có quy mô dân số từ 700 hộ trở lên: 08 triệu đồng/khu dân cư/năm;

đ) Đối với các khu dân cư của các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020: Ngoài mức hỗ trợ theo quy định trên thì được bố trí thêm 01 triệu đồng/khu dân cư/năm.

***(Tổng số kinh phí hỗ trợ)***

***Nội dung chi thực hiện theo*** ***Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Cụ thể (Phần này không cần đưa vào dự toán)***

*3. Các nội dung chi do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phường, thị trấn (cấp xã) tổ chức thực hiện:*

*a) Chi cho công tác phát động Nhân dân tham gia Cuộc vận động và hưởng ứng các phong trào thi đua thực hiện nội dung của Cuộc vận động (gồm chi hội nghị, chi tổ chức họp bàn).*

*b) Chi tổ chức họp, bàn biện pháp triển khai thực hiện ở địa phương.*

*c) Chi làm khẩu hiệu, pano, áp phích tuyên truyền cho Cuộc vận động.*

*d) Chi công tác phí đi học tập trao đổi kinh nghiệm thực tế với các địa phương khác, tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện Cuộc vận động.*

*đ) Chi xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến thực hiện Cuộc vận động (gồm chi hội nghị, chi tổ chức họp).*

*e) Chi làm giấy ghi nhận, khung giấy ghi nhận, tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân, gia đình có nhiều đóng góp trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững ở địa phương.*

*g) Chi tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh ở cấp xã (gồm chi tổ chức họp, chi in ấn, chi công tác phí).*

*h) Chi sơ kết, tổng kết hàng năm, tổng kết 5 năm 2 lần; chi khen thưởng hàng năm, khen định kỳ.*

*i) Chi tổ chức ngày Hội đại đoàn kết toàn dân tộc cấp xã hàng năm vào dịp ngày 18 tháng 11 (nếu có).*

*k) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và chi khác phục vụ Cuộc vận động.*

*4. Các nội dung chi do Ban công tác mặt trận ở khu dân cư thực hiện:*

*a) Chi tiền nước uống, thuê ánh sáng, bàn ghế, địa điểm họp Nhân dân để triển khai thực hiện Cuộc vận động; bàn biện pháp triển khai, đánh giá kết quả vận động Nhân dân thực hiện Cuộc vận động và các phong trào thi đua thực hiện nội dung của Cuộc vận động hàng tháng, quý, 6 tháng và một năm.*

*b) Chi tổ chức ngày Hội đại đoàn kết toàn dân tộc hàng năm vào dịp ngày 18 tháng 11 để tổng kết và biểu dương các cá nhân, hộ gia đình, tập thể có nhiều thành tích trong Cuộc vận động.*

*c) Chi tổ chức thông tin, tuyên truyền của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.*

*d) Chi công tác phí đi học tập trao đổi, tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện cuộc vận động cho Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.*

*đ) Chi tiền xăng, xe đi vận động của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.*

*e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và chi khác phục vụ Cuộc vận động.*

***III. Kinh phí chi theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 Quy định nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động giám sát và phản biện xã hội của UBMTTQVN và các tổ chức Chính trị – xã hội trên địa bàn tỉnh.***

***1. Hoạt động giám sát***

**1.1**. Giám sát việc thực hiện Pháp lệnh số 34/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Nội dung tập trung Chương II, ***quy định những nội dung công khai để nhân dân biết***)

- Chi công tác phí:

- Chi văn phòng phẩm

- Chi thông tin liên lạc

( Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.). Ngoài ra được chi thêm các mức cụ thể sau:

*- Chi bồi dưỡng thành viên chính thức tham gia đoàn giám sát: 50.000 đồng x… người*

*- Chi bồi dưỡng thành viên khác tham gia đoàn giám sát: 30.000 đồng x… người*

*- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, văn bản kiến nghị Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).*

..

**1.2.** Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định *“mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Bình Phước từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025”*

*………..*

**1.3.** Giám sátviệc giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh bức xúc của cử tri và nhân dân (giám sát thường xuyên định kỳ; thành lập đoàn giám sát khi có vụ việc kiến nghị, phản ánh bức xúc, có dấu hiệu vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân hoặc có ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy).

……………..

**2. Hoạt động phản biện xã hội.**

- Chi công tác phí:

- Chi văn phòng phẩm

- Chi thông tin liên lạc

( Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.). Ngoài ra được chi thêm các mức cụ thể sau:

*- Chi bồi dưỡng thành viên chính thức tham gia đoàn giám sát: 50.000 đồng x… người*

*- Chi bồi dưỡng thành viên khác tham gia đoàn giám sát: 30.000 đồng x… người.*

*- Chi đặt viết bài PBXH theo kế hoạch không quá 200.000 đ/bài (không quá 03 bài)*

*- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, văn bản kiến nghị Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).*

**IV. Chi theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 Quy định về định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.**

*Mức hỗ trợ kinh phí* ***tối thiểu*** *cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã là 5 triệu đồng.*

*Nội dung chi theo Thông tư 63 Thông tư số 63/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể*

**1*. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị.***

***2. Chi công tác phí phục vụ các cuộc giám sát, xác minh.***

***3. Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, giám sát, xác minh vụ việc theo kế hoạch công tác được duyệt.***

***4. Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Thanh tra nhân dân hoạt động phối hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị (nếu có).***

***5. Chi mua sắm văn phòng phẩm, cước điện thoại, cước bưu phẩm.***

***6. Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.***

**V. Chi cho hoạt động Giám sát đầu tư cộng đồng theo Nghị định 29/2021/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.**

**Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 90, Nghị định 29/2021/NĐ-CP: *Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 10 triệu đồng/năm cho một xã.***

***Nội dung chi theo khoản 6, Điều 88, Nghị định 29/2021/NĐ-CP***

a) Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

(Số kinh phí phụ thuộc vào KH hoạt động giám stas đầu tư công đồng hàng năm của UBMTTQVN cấp xã)

**VI. Kinh phí thực hiện (một số nhiệm vụ phát sinh khác do cấp ủy giao hoặc có sự phối hợp thống nhất với chính quyền cấp xã như Đại hội MTTQVN cấp xã….)**

***TỔNG CỘNG:***

Trên đây là Dự toán kinh phí hoạt động năm ………. của Ủy ban MTTQVN xã…… . Đề nghị HĐND, UBND xã xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận: TM. BAN THƯỜNG TRỰC**

- BTT. UBTWMTTQVN huyện….;

- Thường trực Đảng ủy;

- TT. HDND; UBND xã;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã;

- Lưu MT.

*Mẫu số 03/KH- MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC**  ……………………………… (1)  *Số: ……../KH-MTTQ-BTT* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *………, ngày……tháng…….năm ……* |

**KẾ HOẠCH**

**Tổ chức đoàn giám sát……**(2)

Căn cứ………….., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(1) ban hành kế hoạch triển khai đoàn giám sát……..(2) tại………(3) như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Mục đích: ………….

2.Yêu cầu:…………….

**II. NỘI DUNG**

1. Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát:…….(4)

2. Thành phần đoàn giám sát:…………………

3. Thời gian, địa điểm giám sát:………………

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Phân công thực hiện:…………………

2. Chế độ thông tin báo cáo:……………

3. Các điều kiện đảm bảo:………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -…….  -………… | TM. BAN THƯỜNG TRỰC  (Ký tên, đóng dấu)  *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)* |

***Ghi chú:***

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức giám sát; số, ký hiệu.
2. Nội dung giám sát.
3. Cơ quan, tổ chức được giám sát.
4. Nội dung chi tiết kèm theo đề cương báo cáo giám sát.

(\*) Kế hoạch giám sát phải được thông báo, lấy ý kiến các thành viên của đoàn giám sát trước khi ban hành

*Mẫu số 03a/GS-MT*

**CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC**

**Đoàn giám sát** …………….(1)**tại**………………(2)

*(………, giờ…… ngày …. tháng …… năm …)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **NỘI DUNG** | **THỰC HIỆN** |
| Từ…giờ đến...giờ | Làm việc với……..(2) | Đoàn giám sát,  ……………..(2) |
|  | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | ……………..(2) |
| Thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát | Đ/c ………, Trưởng đoàn giám sát |
| Báo cáo về ……………(1) | Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu……….(2) |
| Trao đổi, thảo luận và có thể yêu cầu………(2) giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát | Thành viên đoàn giám sát |
| Báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có) | Đại diện ……….(2) |
| Kết luận buổi làm việc | Đ/c ………, Trưởng đoàn giám sát |
| Từ…giờ đến...giờ | Khảo sát, giám sát thực tế tại cơ quan, tổ chức có liên quan *(nếu thấy cần thiết)* | Đoàn giám sát,  ……………..(2) |

***Ghi chú:***

1. Nội dung giám sát.
2. Cơ quan, tổ chức được giám sát.

(\*) Chương trình được gửi kèm với Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát cho cơ quan, tổ chức được giám sát.

*Mẫu số 3b/GS-MT*

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO GIÁM SÁT**

*(Kèm theo Kế hoạch số........(1) của Ban Thường trực UBMTTQVN ……(2) )*

Thực hiện Kế hoạch số…….(1), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(2) về việc….(3) tại……(4) báo cáo kết quả thực hiện với Đoàn giám sát như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Ưu điểm ………….

2.Khó khăn, tồn tại, hạn chế …………

3. Nguyên nhân:……………….

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:……………………

2. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):………

3. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam:………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -…….  -………… | TM. ……(4)  (Ký tên, đóng dấu)  *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)* |

***Ghi chú:***

1. Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, nội dung kế hoạch giám sát.
2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát.
3. Nội dung giám sát.
4. Cơ quan, tổ chức được giám sát.

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC**  ……………………………… (1)  ĐOÀN GIÁM SÁT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày……tháng…….năm ……* |

*Mẫu số 4/GS-MT*

**BÁO CÁO**

**Kết quả giám sát về ……**(2)

Thực hiện Kế hoạch số…….(3), Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(1) đã tiến hành giám sát….(2) tại……(4). Trên cơ sở kết quả làm việc, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(1) báo cáo kết quả giám sát như sau:

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

1. Những việc đã làm được: (Nêu một số ưu đểm, kết quả nổi bật của đối tượng được giám sát) ………….

2.Khó khăn, tồn tại, hạn chế ( Nêu thật cụ thể, có luận chứng, luận cứ, để làm cơ sở kiến nghị)…………

3. Nguyên nhân:……………….

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đối với cơ quan, tổ chức được giám sát:…………….

2. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:……………………

3. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):………

4. Đối với Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam:………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -…….  -………… | TM. ĐOÀN GIÁM SÁT  TRƯỞNG ĐOÀN  (Ký tên, đóng dấu)  *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)* |

***Ghi chú:***

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát.
2. Nội dung giám sát.
3. Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, nội dung kế hoạch giám sát.
4. Cơ quan, tổ chức được giám sát.

*Mẫu số 4b/GS-MT*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC**  ……………………………… (1) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *………, ngày……tháng…….năm ……* |

**THÔNG BÁO**

**Kết luận kiến nghị Của ………(1) về ……**(2)

Ngày….tháng ……năm…., Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(1) đã tiến hành giám sát……..(2) tại………(3). Căn cứ kết quả giám sát, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ........(1) có một số kiến nghị cụ thể như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Kết quả đạt được: ………….

2.Khó khăn, hạn chế:…………

3. Nguyên nhân:……………….

**II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Đối với cơ quan, tổ chức được giám sát:…………….

2. Đối với cơ quan, tổ chức cấp trên:……………………

3. Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có):………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  -…….  -………… | TM. BAN THƯỜNG TRỰC  **CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH**  (Ký tên, đóng dấu)  *(Ghi rõ họ và tên, chức vụ)* |

***Ghi chú:***

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức giám sát; số, ký hiệu.
2. Nội dung giám sát.
3. Cơ quan, tổ chức được giám sát.

(\*) Kiến nghị sau giám sát phải được thông báo, lấy ý kiến các thành viên của đoàn giám sát trước khi ban hành.

*Mẫu số 05/GSĐTCCĐ*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM**  **…………………………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-MTTQ-BTT | *……….., ngày tháng năm 202..* |

**KẾ HOẠCH**

**Giám sát đầu tư cộng đồng năm 202...**

Thực hiện Luật MTTQVN, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam …. Các văn bản quy định liên quan *về tổ chức và hoạt động của Giám sát đầu tư của cộng đồng.*

Căn cứ Chương trình phối hợp thống nhất hành động năm 202… của UBMTTQVN xã….;

Căn cứ Nghị quyết HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Bình phước ***có liên quan đến dự án đầu tư cộng đồng***.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương.Ban Thường trực UBMTTQVN xã xây dựng Kế hoạch Giám sát đầu tư cộng đồng năm 202.. như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

**-** Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị và các quy định của pháp luật về giám sát và phản biện xã hộimột cách đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả.

**-** Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi cá nhân, cơ quan, tổ chức trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phát hiện những nhân tố mới, mô hình điển hình tốt trong việc thực hiện chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước ở địa phương; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật để kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Phát huy quyền làm chủ nhân dân trong việc tham gia vào quá trình xây dựng các quyết sách của địa phương có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhân dân. Qua đó, góp phần hoàn thiện và nâng cao chất lượng các quyết sách trước khi ban hành, tạo sự đồng thuận xã hội về nhận thức và thống nhất về hành động của các tầng lớp nhân dân trong tham gia xây dựng và phát triển địa phương.

**2. Yêu cầu**

**-** Quá trình thực hiện phải đảm bảo đúng theo Quy chế; Thông tri hướng dẫn của Ban Thường trực UBTWMTTQ Việt Nam.

**-** Phù hợp với thực tiễn; bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng; có sự phối hợp chặt chẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của với cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan.

**II. Chương trình, dự án tổ chức GSĐTCĐ chuyển tiếp từ năm 202…**

**1. Giám sát Dự án đầu tư xây dựng trường Mầm non Hoa Sen**

- Đối tượng giám sát: Ban quản lý dự án (chủ dự án); đơn vị thi công (chủ thầu)….

- Địa điểm dự án: Tại ấp 1, xã A

- Thành Phần tham gia: Thành viên Ban GSĐTCCĐ **Dự án đầu tư xây dựng trường Mầm non Hoa Sen** ( 05 người gồm: Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN xã, Ban Thanh tra ND xã và 03 người thường trú tại ấp 1, xã A.)

- Thời gian giám sát: Tiếp tục thực hiện GSĐTCĐ đến nghiệm thu hoàn thành Dự án. Dự kiến từ ngày tháng .. năm…. đến ngày.. tháng…. năm

**2. Giám sát Dự án đầu tư làm đường bê tông ximen tại ấp 2, xã A**

- Đối tượng giám sát: Ban quản lý dự án (chủ dự án); đơn vị thi công (chủ thầu)….

- Địa điểm dự án: Tại ấp 2, xã A

- Thành Phần tham gia: Thành viên Ban GSĐTCCĐ **Dự án đầu tư làm đường bê tông ximen ấp 2 (**6 người gồm :Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN xã, Ban Thanh tra ND xã và mộ số người thường trú tại ấp 2, xã A.

- Thời gian giám sát: Tiếp tục thực hiện GSĐTCĐ đến lúc đến nghiệm thu hoàn thành Dự án. Dự kiến từ ngày tháng .. năm…. đến ngày.. tháng…. năm

**3. Giám sát việc làm đường bê tông ximen tại ấp 3, xã A (……**

**III. Chương trình, dự án tổ chức GSĐTCĐ mới trong năm 202…**

**1. Giám sát Dự án đầu tư xây dựng trụ sở UBND xã….**

- Đối tượng giám sát: Ban quản lý dự án (chủ dự án); đơn vị thi công (chủ thầu)….

- Địa điểm dự án: Tại ấp 4, xã A

- Thành Phần tham gia: ***Thành lập mới Ban GSĐTCCĐ dự kiến*** 06 người( gồm (Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN xã, Ban Thanh tra ND xã và 04 người thường trú tại ấp 4, xã A.

- Thời gian giám sát: Từ khi triển khai (xây dựng dự án, thiết kế, khởi công xây dựng, quá trình xây dựng, nghiệm thu khánh thành) đến hoàn thành. Dự kiến từ ngày tháng .. năm…. đến ngày.. tháng…. năm

**2. Giám sát Dự án đầu tư làm đường bê tông ximen tại ấp 2, xã A**

- Đối tượng giám sát: Ban quản lý dự án (chủ dự án); đơn vị thi công (chủ thầu)….

- Địa điểm dự án: Tại ấp 2, xã A

- Thành Phần tham gia: Thành lập Ban GSĐTCCĐ khoảng 05 người gồm (Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN xã, Ban Thanh tra ND xã và mộ số người thường trú tại ấp 2, xã A.

- Thời gian giám sát: Từ khi triển khai (xây dựng dự án, thiết kế, khởi công xây dựng, quá trình xây dựng, nghiệm thu khánh thành) đến hoàn thành. Dự kiến từ ngày tháng .. năm…. đến ngày.. tháng…. năm

**3. Giám sát Chương trình hỗ trợ kinh phí giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại ấp 6, xã A (**

- Đối tượng giám sát: UBND xã, Ban Xóa đói giảm nghèo của UBND xã. …

- Địa điểm dự án: Tại ấp 6, xã A

- Thành Phần tham gia: Thành lập Ban GSĐTCCĐ khoảng 05 người gồm (Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN xã, Ban Thanh tra ND xã và mộ số người thường trú tại ấp 6, xã A.

- Thời gian giám sát: Từ khi triển khai (xây dựng dự án, thiết kế, khởi công xây dựng, quá trình xây dựng, nghiệm thu khánh thành) đến hoàn thành. Dự kiến từ ngày tháng .. năm…. đến ngày.. tháng…. năm

**IV. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ**

**Chi phí một cuộc giám sát theo Nghi định 29**

**Điều 88. Chi phí và nguồn vốn thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư**

1. Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư

***6. Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng:***

***a) Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ giám sát đầu tư của cộng đồng;***

***b) Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;***

***c) Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về giám sát đầu tư của cộng đồng;***

***d) Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về giám sát đầu tư của cộng đồng;***

***đ) Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.***

**Điều 90. Quản lý, sử dụng chi phí giám sát, đánh giá đầu tư**

***5. Quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng:***

***a) Chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng do Hội đồng nhân dân xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 10 triệu đồng/năm cho một xã.***

***Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã….***

**IV. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã:

a) Xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy về Kế hoạch giám sát ĐTCĐ năm 202... Phối hợp với chính quyền cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

b) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố phối hợp cùng Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tổ chức cuộc họp của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu;

c) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương;

d) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

e) Động viên Nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

f) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, do ngân sách nhà nước cấp xã bảo đảm.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thông báo kết quả thực hiện đến Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Trên đây là KH GSĐTCĐ năm 202… của Ủy ban MTTQVN xã…… . Đề nghị các tổ chức thành viên, các vị Ủy viên UBMTTQVN tỉnh các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tham gia và phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận: TM. ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH**

- BTT. UBTWMTTQVN huyện….;

- Thường trực Đảng ủy;

- TT. HDND; UBND xã;

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã;

- Chủ đầu tư, Ban Quản lý chương trình, dự án;

- Ban TT. UBMTTQVN xã;

- Ban CTMT của xã;

- Lưu MT xã.

*Mẫu số 5a/GSĐTCCĐ*

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN MẶT TRẬN TQVN  XÃ…………………..  **BAN THƯỜNG TRỰC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
| Số: /KH- GSĐTCĐ  “ví dụ một dự án” | *…………., ngày tháng năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Giám sát Giám sát đầu tư cộng đồng Dự án: Xây dựng**

**tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú – Bình Dương**

Thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022; Chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh năm 202….; Kế hoạch giám sát đầu tư cộng đồng năm 202…. của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã….; Quyết định thành lập Ban giám sát đầu tư cộng đồng ***Dự án Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú – Bình Dương*** ngày tháng năm 20….của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã…. (viết tắt là Ban GSĐTCĐ 123…)

Ban GSĐTCĐ 123xây dựng kế hoạch giám sát việc triển khai thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú – Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước) (viết tắt là Dự án), cụ thể như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu:**

**1. Mục đích:**

- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu kết hợp tổ chức khảo sát, nắm tình hình về tiến độ triển khai thực hiện dự án; tình hình dư luận, ý kiến kiến nghị phản ánh của Chính quyền, đoàn thể ở cơ sở và Nhân dân đối với việc triển khai thực hiện dự án; những ảnh hưởng, tác động của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như đời sống nhân dân; những khó khăn, vướng mắc bất cấp trong quá trình tổ chức thực hiện dự án và các vấn đề khác có liên quan;

- Trên cơ sở kết quả khảo sát, tổ chức giám sát và làm việc trực tiếp với Chủ đầu tư dự án, đơn vị tư vấn giám sát, nhà thầu thi công để thông tin, kiến nghị, đề xuất giải pháp chấn chỉnh, khắc phục; giải quyết khó khăn, vướng mắc, kiến nghị phản ánh của chính quyền cơ sở và người dân bị ảnh hưởng; đảm bảo việc triển khai thực hiện Dự án, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, tạo sự đồng thuận xã hội;

- Thông tin, báo cáo kịp thời kết quả giám sát đến Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để lãnh đạo, chỉ đạo theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Dự án được kịp thời, hiệu quả.

**2. Yêu cầu**:

Việc tổ chức khảo sát, giám sát phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai và mang tính xây dựng; thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy trình hướng dẫn, phù hợp với thực tiễn; có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan; không làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động bình thường của đối tượng được giám sát.

**II. Nội dung, hình thức, phương pháp khảo sát, giám sát**

1. **Về Nội dung:**

***1.1. Đối với nội dung khảo sát:***

- Nắm tình hình dư luận và người dân đối với việc triển khai thực hiện Dự án (về tiến độ thi công; việc thu hồi đất, bồi thường, giải tỏa, tái định cư để thực hiện Dự án; tác động, ảnh hưởng của việc thi công dự án đối với môi trường, hoạt động sản xuất, đời sống nhân dân; ý kiến, kiến nghị phản ánh của chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, người dân địa phương đối với dự án, việc thi công dự án; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Dự án….

- Công tác phối hợp của Chính quyền địa phương và cơ sở trong công tác thông tin, công khai, tham gia thực hiện Dự án; tuyên truyền, vận động nhân dân về phối hợp chủ trương thực hiện Dự án (hiến đất thực hiện dự án, bàn giao mặt bằng….), việc thực hiện giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và người dân đối với việc triển khai thực hiện Dự án.

- Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện Dự án và những vấn đề khác có liên quan.

- Tiếp nhận, nắm thông tin, kiến nghị, phản ánh của chính quyền và người dân liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Dự án và các nội dung theo kế hoạch giám sát.

***1.2. Đối với nội dung giám sát:***

Trên cơ sở việc nghiên cứu hồ sơ, báo cáo, kết quả khảo sát, Đoàn giám sát sẽ giám sát và làm việc với Chính quyền địa phương, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan để nhận xét, đánh giá một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện;

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; việc tiếp nhận giải quyết, kiến nghị phản ánh của Nhân dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án và các vấn đề khác có liên quan.

- Tình hình triển khai và tiến độ thực hiện Dự án;

- Tác động của Dự án đối với lợi ích của cộng đồng; môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

- Việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc Dự án;

- Việc kiểm tra, giám sát đối với việc thi công Dự án;

- Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư;

- Những khó khăn, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân;

- Những vấn đề, nội dung cần kiến nghị, đề xuất.

**2.** **Đối tượng giám sát (đơn vị được chọn giám sát):**

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan;

- UBND huyện Đồng Phú;

**3. Thời gian giám sát**:

- Từ thời điểm ban hành kế hoạch giám sát đến khi dự án được hoàn thành.

- Giám sát thường xuyên thông qua việc tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị của cử tri và người dân đối với việc thực hiện Dự án

- Tổ chức các đợt giám sát, khảo sát trực tiếp

(*thời gian từng đợt giám sát, khảo sát cụ thể sẽ thông báo sau*) .

**5. Thành phần Đoàn giám sát:**

Thành viên Ban GSĐTCCĐ theo quyết định số ………..mời đại diện một số hộ dân chịu sự tác động, ảnh hưởng của Dự án và một số cá nhân có kinh nghiệm tham gia.

**6. Thành phần, địa điểm khảo sát, giám sát**

**6.1. Tổ chức khảo sát thực địa Dự án:**

- Ban GSĐTCĐ 123 tổ chức một số đợt khảo sát thực địa tại một số đoạn trên tuyến đường thuộc Dự án.

- Thành phần tham gia khảo sát cùng Đoàn giám sát: đại diện chủ đầu tư, đại diện đơn vị thi công.

**6.4. Làm việc với Ban Quản lý dự án chủ đầu tư, chủ thi công Dự án**

- Địa điểm: ……….

- Thành phần làm việc với Đoàn giám sát: Ban Quản lý dự án chủ đầu tư, chủ thi công Dự án

*(Chi tiết nội dung, thời gian thực hiện sẽ có thông báo sau)*

**III. Tổ chức thực hiện:**

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã;

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân;

đ) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án

**3. Đề nghị Ban Quán lý Dự án**

- Báo cáo tiến độ thực hiện (03 tháng 01 lần) qua địa chỉ …………………….

- Chuẩn bị hồ sơ tài liệu để làm việc với Đoàn giám sát ……….

- Tạo điều kiện phối hợp để các đợt khảo sát, giám sát thực hiện nội dung khảo sát, giám sát theo đúng kế hoạch.

- Xem xét, giải trình, tiếp thu, giải quyết và trả lời những nội dung kiến nghị sau khảo sát, giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn cấp xã;

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, thì ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

- Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân;

- Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án

- Cung cấp thông tin cán bộ đầu mối tham mưu (họ tên, chức vụ, số điện thoại) cho Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh liên hệ trao đổi, thông tin (khi cần thiết).

- Mời các thành phần tham dự làm việc với Đoàn giám sát khi giám sát, làm việc ở địa phương và tại cơ quan, đơn vị mình theo kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch giám sát việc triển khai thực hiện Dự án: Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú – Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước), đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện. Trong quá trình phối hợp tổ chức thực hiện nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị liên hệ trực tiếp với ……………… số ĐT…………………..

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC**

***Nơi nhận:***

- TT Đảng ủy;

- HĐND, UBND tỉnh;

- Ban TT UBMTTQVN xã..;

- Thành viên Ban GSĐTCĐ 123;

- Ban QLDA; CĐt; Chủ TC…;

- Ban Điều hành KDC;

- Thông báo ra dân.

*Mẫu số 5b/GSĐTCCĐ*

Ủy ban MTTQ……………… **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ban GSĐTCĐ ........................ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*............ , ngày ... tháng ... năm 20...*

**BIÊN BẢN GIÁM SÁT**

Hồi.........,giờ..........ngày........tháng...........năm..200...,tại...............................

I. Thành phần Ban GSĐTCCĐ Dự án………………… ………….. gồm có:

- …………………………………..Trưởng (Phó Ban GSĐTCCĐ )

- ………………………………….. Thành viên (Phó Ban GSĐTCCĐ )

- ………………………………….. Thành viên (Phó Ban GSĐTCCĐ )

- ………………………………….. Thành viên (Phó Ban GSĐTCCĐ )

II. Tiến hành giám sát việc triển khai thực hiện Dự án ………. Nhận xét, đánh giá cụ thể như sau:

*Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã*

1. Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch liên quan và kế hoạch đầu tư trên địa bàn cấp xã theo quy định của pháp luật;

2. Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về: chỉ giới đất đai và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng; sử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; tiến độ, kế hoạch đầu tư;

3. Phát hiện những việc làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng, những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành dự án;

4. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.

*5.Theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật:*

*- Định mức và chủng loại vật tư theo quy định;*

*- Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.*

……………………………………………………………………………

**III. Kiến nghị:**

- Qua nhận xét, đánh giá Ban GSĐTCCĐ………………kiến nghị như sau:

1. **Ban Quản lý dự án**
2. **Chủ thầu (thi công, thực hiện….)**
3. **Đề nghị Ban Thường trực UBMTTQVN xã có ý kiến, kiến nghị**

- Trong quá trình theo dõi, kiểm tra, nếu phát hiện có việc làm sai quy định thì yêu cầu đại diện các bên (chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát, Ban GSĐTCCĐ,...) có mặt tại hiện trường lập biên bản xác nhận việc làm sai quy định và cùng ký vào biên bản; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định; theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền, việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định.

- Trong trường hợp nhận thấy việc xử lý các vấn đề đã kiến nghị, hoặc việc chấp hành các biện pháp xử lý chưa thỏa đáng thì tiếp tục kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền cao hơn.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIÁM SÁT TM. BAN GSĐTCĐ**

(ký tên) (ký tên)

(Ghi rõ họ và tên) (Ghi rõ họ và tên)